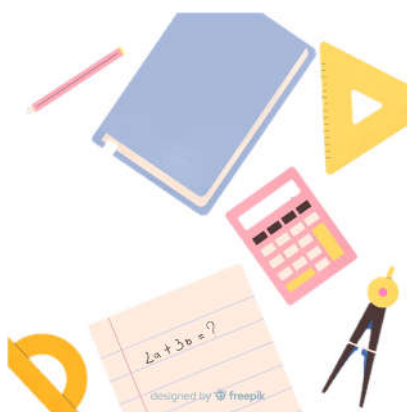


TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI
NHÓM TOÁN 6

TÀI LIỆU HỌC TẬP
TOÁN 6



Tập 1

Học sinh:

Lớp:

2025 – 2026
Tài liệu lưu hành nội bộ

CHƯƠNG 1: SỐ TỰ NHIÊN**DẠNG 1: TẬP HỢP****A. TRẮC NGHIỆM****Câu 1:** Trong các tập hợp sau, tập hợp nào là tập hợp các số tự nhiên:

A. $I = \{\dots -2; -1; 0; 1; 2; 3; \dots\}$.

B. $N = \{0; 1; 2; 3; 4; \dots\}$.

C. $K = \{-1; 0; 1; 2; 3; \dots\}$.

D. $Q = \{0; 1; 2; 3; a; b\}$.

Câu 2: Cho tập hợp $B = \{a; 4; b; 5; c\}$, có bao nhiêu phần tử trong tập hợp B?**A.** 2.**B.** 5.**C.** 3.**D.** 4.**Câu 3:** Cho $B = \{a; b; c; d\}$. Chọn đáp án sai trong các đáp án sau?

A. $a \in B$.

B. $b \in B$.

C. $e \notin B$.

D. $g \in B$.

Câu 4: Cho tập hợp $A = \{0; 1; 2; 3\}$. Có bao nhiêu phần tử trong tập hợp A?**A.** 1.**B.** 2.**C.** 3.**D.** 4.**Câu 5:** Gọi M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 4. Cách viết đúng là:

A. $M = \{1; 2; 3\}$.

B. $M = \{0; 1; 2; 3\}$.

C. $M = \{1; 2; 3; 4\}$.

D. $M = \{0; 1; 2; 3; 4\}$.

Câu 6: Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

A. -3.

B. 0,5.

C. $\frac{2}{7}$.

D. 0.

Câu 7: Cho tập hợp $A = \{x / 4 < x \leq 10\}$. Số phần tử của tập hợp A là:**A.** 4.**B.** 5.**C.** 6.**D.** 10.**Câu 8:** Tập hợp E các số tự nhiên x sao cho $15 < x < 20$ là:

A. $E = \{15; 16; 17; 18; 19\}$.

B. $E = \{16; 17; 18; 19; 20\}$.

C. $E = \{16; 17; 18; 19\}$.

D. $E = \{15; 16; 17; 18; 19; 20\}$.

Câu 9: Tập hợp $A = \{x \in N / 35 \leq x < 61 \text{ và } x \text{ là số lẻ}\}$ khẳng định đúng là:

A. $36 \in A$.

B. $63 \in A$.

C. $35 \in A$.

D. $61 \in A$.

Câu 10: Cho tập hợp $A = \{2; 4; 5\}$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $2 \notin A$.

B. $4 \notin A$.

C. $8 \in A$.

D. $5 \in A$.

B. BÀI TẬP**Bài 1:** Viết tập hợp các chữ cái trong từ “HA LONG”.**Bài 2:** Viết tập hợp các chữ cái trong từ “CÓ CHÍ THÌ NÊN”.**Bài 3:** Viết các tập hợp sau bằng 2 cách:

- Tập hợp A các số tự nhiên không vượt quá 7.
- Tập hợp B các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 16 và nhỏ hơn 21.
- Tập hợp C các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 35 và nhỏ hơn hoặc bằng 40.
- Tập hợp D các số tự nhiên lớn hơn 27 và nhỏ hơn 32.
- Viết tập hợp P các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 12.

Bài 4: Viết các tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử?

$$A = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 4\}$$

$$B = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x < 7\}$$

$$C = \{x \in \mathbb{N} \mid 5 < x < 10\}$$

$$D = \{x \in \mathbb{N} \mid 12 < x \leq 18\}$$

$$E = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 \leq x \leq 15\}$$

$$F = \{x \in \mathbb{N} \mid 1 \leq x < 11\}$$

$$G = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x < 15\}$$

$$H = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x \leq 6\}$$

$$I = \{x \in \mathbb{N} \mid x + 2 = 10\}$$

$$K = \{x \in \mathbb{N} \mid x - 5 = 0\}$$

Bài 5: Viết tập hợp M các số tự nhiên lớn hơn 12 và nhỏ hơn 17, sau đó điền ký hiệu $\in$; $\notin$ thích hợp vào chỗ chấm: $13 \dots M$; $19 \dots M$; $12 \dots M$; $16 \dots M$.**Bài 6:** Cho tập hợp $E = \{0; 2; 4; 6; 8\}$. Hãy chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp E và viết tập hợp E theo cách này.**Bài 7:** Cho tập hợp $P = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên và } 10 < x < 20\}$. Hãy viết tập hợp P theo cách liệt kê tất cả các phần tử.**Bài 8:** Cho tập hợp A gồm các số tự nhiên vừa lớn hơn 7 vừa nhỏ hơn 15. Hãy viết tập hợp A theo cách liệt kê các phần tử.**Bài 9:** Cho tập hợp A gồm các số tự nhiên vừa lớn hơn 5 vừa nhỏ hơn 10.

- Hãy viết tập hợp A theo cách liệt kê các phần tử.
- Kiểm tra xem trong những số 5; 6; 10; 12, số nào là phần tử thuộc tập hợp A, số nào không thuộc tập hợp A.

Bài 10: Cho D là tập hợp các số tự nhiên vừa lớn hơn 5 vừa nhỏ hơn 12. Viết tập hợp D theo hai cách rồi chọn kí hiệu $\in$, $\notin$ thích hợp thay cho mỗi $\square$ dưới đây:5 $\square$ D; 7 $\square$ D; 17 $\square$ D; 0 $\square$ D; 10 $\square$ D.**DẠNG 2: TÍNH SỐ TỰ NHIÊN****A. TRẮC NGHIỆM****Câu 1:** Khẳng định nào sau đây sai?

- A. $a + b + c = (a + b) + c$ B. $a + b + c = (a + c) + b$
- C. $a + b + c = (a + b) + b$ D. $a + b + c = a + (b + c)$

Câu 2: Kết quả của phép tính $1245 + 7011$ là

A. 8625 B. 8526 C. 8255 D. 8256

Câu 3: Tính nhanh tổng $53 + 25 + 47 + 75$?

A. 200 B. 201 C. 100 D. 300

Câu 4: Chọn phát biểu ĐÚNG:

- A. Tổng của 12 và 2 là 10;
 B. Một hiệu có số bị trừ là 12 và số trừ là 2 thì có giá trị là 14;
 C. Một tổng có giá trị là 8 và một số hạng của nó là 2 thì số hạng còn lại là 10.
 D. Một hiệu có giá trị là 5 và số bị trừ là 15 thì số trừ là 10.

Câu 5: Chọn phát biểu SAI:

- A Với hai số tự nhiên a và b, nếu có số tự nhiên x sao cho $a = b + x$ thì ta có phép trừ $a - b = x$;
 B. Trong tập hợp các số tự nhiên, phép trừ $a - b$ chỉ thực hiện được khi $a > b$;
 C. Trong phép chia có dư, số chia bao giờ cũng lớn hơn số dư;
 D. Số 0 chia hết cho mọi số tự nhiên khác 0.

Câu 6: Với a, m, n là các số tự nhiên, hãy chọn câu SAI:

- A. $a^m \cdot a^n = a^{m+n}$; B. $a^m : a^n = a^{m-n}$ với $m \geq n$ và $a \neq 0$ C. $a^0 = 1$; D. $a^0 = 0$.

Câu 7: Tích $5 \cdot 5 \cdot 5$ được viết dưới dạng lũy thừa của một số là:

- A. 5^2 B. 5^3 C. 3^5 D. 5^4 .

Câu 8: Giá trị của 2^4 bằng:

- A. 8 B. $2^2 \cdot 2$ C. $2^8 : 2$ D. $4 \cdot 4$.

Câu 9: Kết quả của tích $6^7 \cdot 6^3$ dưới dạng một lũy thừa là:

- A. 6^{21} . B. 6^{10} . C. 6^4 . D. 6^5 .

Câu 10: Viết số 64 dưới dạng lũy thừa

- A. $64 = 2^8$. B. $64 = 3^4$. C. $64 = 4^3$. D. $64 = 8^2$.

B. BÀI TẬP

Bài 1: Tính nhanh

- | | | |
|----------------------------|----------------------------|---------------------------|
| a) $27 + 51 + 173$ | b) $162 + 89 + 138$ | c) $141 + 330 + 59 + 70$ |
| d) $239 + 518 + 761 + 482$ | e) $436 + 218 + 164 + 182$ | f) $245 + 220 + 55 + 180$ |
| g) $2.8.35.125.5$ | h) $25.50.4.2$ | i) $8.12.125.5$ |
| j) $2.4.5.17.25$ | k) $25.11.8.4.125$ | |

Bài 2: Tính nhanh

- | | |
|---------------------------------|---------------------------------|
| a) $19.36 + 19.64$ | b) $23.27 + 77.27$ |
| c) $72.43 + 27.43 + 43$ | d) $36.48 + 36.53 - 36$ |
| e) $42.39 + 42.25 + 42.36$ | f) $23.156 - 23.56$ |
| g) $23.16 + 23.84 + 700$ | h) $19.52 + 19.48 - 900$ |
| i) $14.33 + 14.67 + 14.25$ | k) $25.145 - 25.45 + 500$ |
| l) $14.85 + 14.15 - 120$ | m) $2.29.3 + 6.71 + 120$ |
| n) $41.62 + 159.62 + 800.62$ | o) $2.213.6 + 4.317.3 + 470.12$ |
| p) $9.27.4 + 12.35.3 + 18.38.2$ | q) $12.42.4 + 8.39.6 + 16.19.3$ |

Bài 3: Tính.

- | | |
|---------------------------------------|--|
| a) $57 + 26 + 34 + 63$ | b) $199 + 36 + 201 + 184 + 37$ |
| c) $4238 + 516 + 1456 + 3451$ | d) $24 + 25 + 26 + 27 + 28 + 29 + 30 + 31$ |
| e) $2 + 4 + 6 + 8 + 10 + \dots + 100$ | |

Bài 4: Tính.

$$12^2 = \quad 4^4 = \quad 5^3 = \quad 15^2 = \quad 3^5 = \quad 1^{10} = \quad 0^{10} = \quad 2^6 =$$

Viết kết quả mỗi phép tính sau dưới dạng một lũy thừa.

a) $2^3 \cdot 2^5$ b) $4^2 \cdot 4^7$ c) $8^4 \cdot 8^7$ d) $3^4 \cdot 3^4$ e) $5^2 \cdot 5^7$ f) $7^5 \cdot 7$ g) $a^3 \cdot a^5$ h) $x \cdot x^5$
 i) $3^3 \cdot 3^5 \cdot 3^7$ j) $10^3 \cdot 10^6 \cdot 10^9$ k) $2^3 \cdot 2^2 \cdot 2^4$ l) $x^2 \cdot x^3 \cdot x^4$ m) $a^3 \cdot a^5 \cdot a^7$ n) $2 \cdot 2^2 \cdot 2^3$

Bài 5: Tính.

a) $2^{15} : 2^{10}$ b) $7^{12} : 7^{10}$ c) $6^4 : 6^2$ d) $10^8 : 10^4$ e) $3^3 : 3^3$
 f) $9^7 : 9^7$ g) $3^4 : 3 + 2^2 \cdot 2$ h) $5^6 : 5^4 + 3^2 \cdot 3$ i) $3^6 : 3^4 + 5 \cdot 5^2$
 j) $10^7 : 10^4 - 10^2 \cdot 10$ k) $4^7 : 4^4 + 3^2 \cdot 2^3 - 7^0$ l) $3^8 : 3^4 + 8^4 : 8^4 - 1^{1000000}$

Bài 6: Thực hiện các phép tính sau:

a) $6^2 : 4 \cdot 3 + 2 \cdot 5^2$ b) $2 \cdot (5 \cdot 4^2 - 18)$ c) $5 \cdot 4^2 - 18 : 3^2$
 d) $3^3 \cdot 18 - 3^3 \cdot 12$ e) $12 \cdot 5^3 - 162 : 3^2$ f) $4 \cdot 5^2 - 3 \cdot 2^3$
 g) $2^3 \cdot 17 + 70 \cdot 2^3 + 2^3 \cdot 13$ h) $73 \cdot 5^2 + 28 \cdot 5^2 - 25$ i) $2^4 - 50 : 25 + 13 \cdot 7$
 j) $6^2 : 4 + 24 \cdot 2^3 - 29$ k) $3^2 \cdot 5 + 35 : 7 - 6^2$ l) $4^2 \cdot 3 - 40 : 2^3 + 2022^0$

Bài 7: Thực hiện các phép tính sau:

1) $[(25 - 2^2 \cdot 3) + (3^2 \cdot 4 + 16)] : 5$ 2) $177 : [2 \cdot (4^2 - 9) + 3^2(15 - 10)]$
 3) $135 \cdot (27 + 73) - 35(3^2 \cdot 4 + 64)$ 4) $2^2 \cdot 3 - (10^0 + 8) : 3^2$
 5) $80 - [130 - (12 - 4)^2]$ 6) $(2^3 \cdot 9^4 + 9^3 \cdot 45) : (9^2 \cdot 10 - 9^2)$
 7) $(3^{15} \cdot 4 + 3^{15} \cdot 5) : 3^{16}$ 8) $15 + \{176 : [4^5 : 4^3 + (48 - 2^2 \cdot 5)]\} : 2$
 9) $21 + \{80 - [130 - (12 - 4)^2]\} : 7$ 10) $2 \cdot 3^2 : \{240 : [280 - (80 + 2^5 \cdot 5)]\}$
 11) $\{234 : [46 - 5(10 - 8)^2] + 15\} : 2^3 - 2022^0$ 12) $90 - [1300 - (4^2 - 2 \cdot 3)^3] : 50$
 13) $\{3 \cdot [2^0 \cdot 2^2 + (48 : 2^2 - 3)] - 26\} : 13$ 14) $3^2 \cdot \{[6^3 - (16 + 3^2 \cdot 4)] : 4\} - 3 \cdot 23$
 15) $\{[(10^2 + 8) : 3^2] \cdot 2 + 12\} + 2014^0$ 16) $147 - \{10^2 - [90 : (5^5 : 5^3 - 2 \cdot 5)]\} : 2 + 1$
 17) $2025 ? [(021 + 1)^0 + 3]$ 18) $2^4 \cdot 5 - [131 - (13 - 4)^2]$
 19) $32 : [12 - 4 + 2 \cdot (16 : 2^2)]$ 20) $124 \cdot \{1500 : [720 : (3768 - 3744)]\}$
 21) $120 - [56 - (9 - 4)^2]$ 22) $100 - [(64 - 48) \cdot 5 + 88] : 28$
 23) $167 + [49 + (13 - 8)^3]$ 24) $12 : \{390 : [500 - (160 + 35 \cdot 6)]\}$
 25) $198 - \{5 \cdot [143 - (17 - 14)^2] + 10\} : 10$ 26) $50 - [19 + (3^2 \cdot 4 - 5^2)]$
 27) $56 : (5 - 3)^3 - 2020^0$ 28) $7 \cdot \{72 : [2 \cdot (4^3 - 5 \cdot 3^2) - 29]\}$
 29) $\{5 \cdot [26 + (35 - 18)] - 205\} : 2 \cdot 505^0$ 30) $12 - [60 : (5^6 : 5^4 - 3 \cdot 5)] : 3$
 31) $225 : \{3^2 \cdot [(156 - 128) : 14] + 7\}$ 32) $[120 : (42 - 3^2 \cdot 4) + 2 \cdot 54^0] : 11$
 33) $51 : [(35 - 34)^2 + 4^2]$ 34) $120 : [(45 : 3 - 2^2) + 9]$
 35) $27 : \{[316 - (25 \cdot 4 + 16)] : 25 + 24^0\}$ 36) $\{92 : [3(44 - 42)^4 - 5^2]\} \cdot 12 + 2 \cdot 2021^0$
 37) $240 : [2^3 \cdot 5 + (165 - 145)]$ 38) $210 : [155 - (45 - 40)^3] + 33^0$
 39) $\{2612 : [(15 : 5 - 2) + 12 : 4]\} \cdot 2 - 9$ 40) $\{540 : [79 - (5 \cdot 7 + 34)]\} : 9 + 8$
 41) $1912 : \{208 : [52 : (12 \cdot 2^2 - 2^0)]\}$ 42) $50 : \{2 \cdot [52 - (3 \cdot 5 - 2^2 \cdot 3)^3]\}$
 43) $135 - [1300 - (4^2 - 2 \cdot 3)^3] : 60$ 44) $6 \cdot \{24 - [3 \cdot (5 + 5 \cdot 2) + 15] : 15\}$
 45) $126 - (2 \cdot 5^2 + 7^2) : 3$ 46) $[80 - (135 - 128)^2] + 45$

Bài 8: Tìm số tự nhiên x biết:

a) $x ? 12 = 50$ b) $100 ? x = 82$ c) $x + 25 = 47$
 d) $? x = 0$ e) $2x = 62$ f) $15 : x = 5$
 g) $x : 6 = 15$ h) $2x + 10 = 122$ i) $2 + 3x = 14$
 j) $26 - 3x = 20$ k) $75 + 6 : x = 81$ l) $5x - 205 = 295$

Bài 9: Tìm số tự nhiên x biết:

- a) $172 : (x - 12) = 94$
 b) $(x + 52) - 27 = 45$
 c) $72 : (x - 3) = 6$
 d) $19 : (x + 1) = 10$
 e) $3 \cdot (x + 1) - 32 = 67$
 g) $6 \cdot (3x - 1) + 11 = 59$
 h) $70 - 5 \cdot (x - 3) = 45$
 i) $38 : (2x - 1) = 2$

Bài 10: Tìm số tự nhiên x biết:

- 1) $4^3 \cdot x = 192$
- 2) $2x - 138 = 36$
- 3) $23 - 3x = 11$
- 4) $48 + 3x = 126$
- 5) $6^3 : x = 12$
- 6) $2012 + 4x = 2016$
- 7) $15 + (2012 - x) = 2015$
- 8) $2080 : [65 - (4x + 13)] = 26$
- 9) $50 - [70 : (x - 1)] = 15$
- 10) $25 + 3(x - 18) = 106$
- 11) $5^3 \cdot x = 750$
- 12) $178 - 3x = 160$
- 13) $423 - (300 + x) = 103$
- 14) $112 - (2x - 6) = 14$
- 15) $(x - 15) - 9 = 28$
- 16) $2448 : [119 - (x - 6)] = 12$
- 17) $327 - (x - 38) = 205$
- 18) $12 \cdot [(x + 21) - 98] = 36$
- 19) $127 - 3x = 25$
- 20) $6x - 39 = 5628 : 28$
- 21) $11x + 27 = 60$
- 22) $189 - 2 \cdot (93 - x) = 25$
- 23) $3x - 138 = 72$
- 24) $110 : (x + 13) = 5$
- 25) $25 + 3x = 55$
- 26) $(x - 42) : 5 = 12$
- 27) $50 - 8(2x - 40) = 18$
- 28) $2(x - 7) = 64$
- 29) $2x - 4 = 16$
- 30) $(24 + x) - 37 = 6$
- 31) $27 + 3x = 12 \cdot 2^2$
- 32) $8 + (2x - 40) = 16$
- 33) $2013 - x = 2010$
- 34) $(44 - x) + 18 = 27$
- 35) $48 - (3x + 12) = 27$
- 36) $24 - (2016 - x) = 1991^0$
- 37) $3x + 21 = 2016$

- k) $45 : (12 - x) = 15$
 l) $(x + 40) \cdot 15 = 75 \cdot 12$
 m) $(x - 6) : 2 = 62 \cdot 2017^0$
 n) $(x + 52) - 27 = 45$
 o) $25 + 3(x - 18) = 106$
 p) $6x - 39 = 5628 : 28$
 q) $4^2 \cdot x = 8^{16} : 8^{14}$
 v) $(2x - 1) \cdot 3^8 = 3^9$
 u) $2x - 138 = 2^3 \cdot 3^2$

- 39) $12 \cdot [18 + (3x - 105)] = 40 \cdot 9$
- 40) $(21 + x) - 233 = 18$
- 41) $x : 5^2 = 12$
- 42) $4x - 28 = 80$
- 43) $9(15 + x) - 24 = 381$
- 44) $(78 - x) + 178 = 244$
- 45) $120 + 4(3x - 8) = 268$
- 46) $(250 - x) - 44 = 6^4 : 6^3$
- 47) $2016 - 3(x - 6) = 1446$
- 48) $200 - 8(2x + 7) = 112$
- 49) $289 - 2 \cdot (193 - x) = 25$
- 50) $2021 - 5(x + 4) = 1^{2022}$
- 51) $12 + 5x = 27$
- 52) $4x - 15 = 9$
- 53) $(15 + x) - 21 = 11$
- 54) $(x - 19) : 8 = 4$
- 55) $56 + 3x = 80$
- 56) $(x + 100) - 150 = 450$
- 57) $13(x - 7) = 169$
- 58) $35 + (18 - 6x) = 41$
- 59) $10 + 2x = 4^5 : 4^3$
- 60) $(54 - x) : 2 = 15$
- 61) $32 - (x + 11) = 17$
- 62) $4 \cdot (52 - x) = 68$
- 63) $40 - (x - 22) = 36$
- 64) $8x : 32 = 4$
- 65) $9x - 72 = 3^2 \cdot 3^3$
- 66) $(x - 12) + 14 = 2^3 \cdot 3$
- 67) $(x - 3) : 4 = 12$
- 68) $527 - (145 - x) = 387$
- 69) $123 + 2 \cdot (76 - x) = 231$
- 70) $1823 - (9 + x) = 1259$
- 71) $19 - (4x + 1) = 10$
- 72) $(x - 6) : 2 = 6^2 \cdot 2017^0$
- 73) $4x - 65 = 27$
- 74) $(x + 12) - 350 = 21$

$$38) x : 3^3 = 4$$

$$75) [573 - (3x + 70)] : 2 = 20.11$$

DẠNG 3: DẤU HIỆU CHIA HẾT 2; 5; 3; 9
A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong các số sau, số nào chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5: 3, 10, 12, 14, 16, 17

- A. 10, 12, 14, 16 B. 3, 10, 12, 14 C. 14, 16, 17 D. 3, 10, 12, 14, 16

Câu 2: Trong những số từ 120 đến 150, có bao nhiêu số chia hết cho 5 ?

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 3: Từ ba trong 4 số 5, 6, 3, 0, hãy ghép thành số có ba chữ số khác nhau là số lớn nhất chia hết cho 2 và 5.

- A. 620 B. 650 C. 235 D. 760

Câu 4: Trong các số 1025; 6470; 3041; 2541; 4205

- A. Số chia hết cho 5 là: 1025; 6470; 3041 B. Số chia hết cho 3 là: 3041; 2541; 4205
C. Số chia hết cho 5 là: 1025; 6470; 4205 D. Tất cả các số đều chia hết cho 3 và 5

Câu 5: Dùng ba chữ số 4, 0, 5 ghép thành các số tự nhiên có ba chữ số khác nhau chia hết cho 2. Có bao nhiêu số thoả mãn?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 6: Tìm các số tự nhiên x vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 và $1998 < x < 2018$.

- A. $x \in \{1990; 2000\}$ B. $x \in \{2000; 2010\}$ C. $x \in \{2010\}$ D. $x \in \{1990; 2000; 2010\}$

Câu 7: Bà Huệ có 19 quả xoài và 40 quả quýt. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Bà Huệ có thể chia số xoài thành 5 phần bằng nhau.
B. Bà Huệ có thể chia số xoài thành 5 phần và không thể chia số quýt thành 5 phần bằng nhau.
C. Bà Huệ không thể chia số quýt thành 5 phần bằng nhau.
D. Bà Huệ không thể chia số xoài thành 5 phần bằng nhau và có thể chia số quýt thành 5 phần bằng nhau.

Câu 8: Cô giáo có một số quyển vở đủ để chia đều cho 5 bạn điểm cao nhất lớp trong kì thi. Hỏi cô giáo có bao nhiêu quyển vở biết rằng cô giáo có số vở nhiều hơn 30 và ít hơn 40 quyển?

- A. 36 quyền B. 35 quyền C. 34 quyền D. 33 quyền

Câu 9: Trong những số sau, có bao nhiêu số chia hết cho 3? 555464, 15645, 5464, 561565, 641550

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 10: Hãy chọn câu sai:

- A. Một số chia hết cho 3 thì số đó chia hết cho 9
B. Một số chia hết cho 10 thì số đó chia hết cho 5
C. Một số chia hết cho 3 thì số đó chia hết cho 9
D. Số có tận cùng là 0, 5 thì chia hết cho 5

Câu 11: Cho các số 3564; 4352; 6531; 6570; 1248. Viết tập hợp B các số chia hết cho 9 trong các số trên.

- A. $B = \{3564; 6570\}$. B. $B = \{3564; 4352\}$. C. $\{6570; 1248\}$ D. $\{6531; 6570; 1248\}$

Câu 12: Dùng ba trong bốn chữ số 5; 8; 4; 0 hãy lập ra các số tự nhiên chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9.

- A. 540; 450; 504 B. 540; 450; 405 C. 840; 804; 408; 480 D. 840; 804; 408

Câu 13: Có bao nhiêu số tự nhiên có hai chữ số chia 3 dư 1?

- A. 10 số B. 20 số C. 30 số D. 40 số

Câu 14: Cho $\overline{55a62}$ chia hết cho 3. Số thay thế cho a có thể là

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 15: Có bao nhiêu cặp số a; b sao cho số $\overline{52ab}$ chia hết cho 9 và chia cho 5 dư 2.

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 16: Tìm $x \in \mathbb{N}$, biết x chia hết cho 3 và $360 < x < 370$?

- A. 365; 369; 366 B. 362; 364; 368 C. 360; 366; 369 D. 363; 366; 369

Câu 17: Tìm các số tự nhiên x, y sao cho $\overline{x26y}$ chia hết cho cả 2, 5, 3 và 9

- A. $x = 3; y = 0$ B. $x = 2; y = 5$ C. $x = 10; y = 0$ D. $x = 1; y = 0$

Câu 18: Kết quả của phép tính $995 - 984 + 973 - 962$ chia hết cho

- A. 3 B. 5 C. 7 D. Cả 2 và 5

Câu 19: Kết quả của phép tính $995 - 984 + 973 - 962$ chia hết cho

- A. 3 B. 5 C. 7 D. Cả 2 và 5

Câu 20: Tìm khẳng định sai trong các khẳng định sau:

- A. $14 + 76 + 153 + 8766 + 900540$ chia hết cho 9
B. $81.6334 - 17.88 + 4012020$ chia hết cho 9.
C. $81 + 1236 + 54369$ chia hết cho 3
D. 2020 luôn chia hết cho 2

B. BÀI TẬP

Bài 1: Trong những số sau: 2023, 19445, 1010, số nào

- a) Chia hết cho 2; b) Chia hết cho 5

Bài 2: Viết hai số lớn hơn 100 và chia hết cho 2.

Bài 3: Tìm chữ số thích hợp thay cho dấu * để số $\overline{17*}$ thỏa mãn từng điều kiện:

- a) Chia hết cho 2; b) Chia hết cho 5; c) Chia hết cho cả 2 và 5.

Bài 4: Lớp 6A, 6B, 6C, 6D lần lượt có 35, 36, 39, 40 học sinh.

- a) Lớp nào có thể chia thành 5 tổ có cùng số tổ viên?
b) Lớp nào có thể chia tất cả các bạn thành các đôi bạn học tập?

Bài 5: Trong các số: 825; 918; 21780.

a/ Số nào chia hết cho 2 mà không chia hết cho 5?

b/ Số nào chia hết cho cả 2 và 5?

Bài 6: Viết tập hợp các số x chia hết cho 5, thỏa mãn:

a/ $124 < x < 145$

b/ $225 \leq x < 245$

Bài 7: Viết tập hợp các số x chia hết cho 2, thỏa mãn:

a/ $52 < x < 60$

b/ $105 \leq x < 115$

Bài 8: Bà Huệ có 19 quả xoài và 40 quả quýt. Bà có thể chia số quả này thành 5 phần bằng nhau (có cùng số xoài, có cùng số quýt mà không được cắt quả) được không?

Bài 9: Cho các số sau: 453; 215; 760; 316; 1235; 1730; 652; 850; 1546; 785; 6321.

- a) Số nào chia hết cho 2 mà không chia hết cho 5 ?
b) Số nào chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2 ?
c) Số nào chia hết cho cả 2 và 5 ?
d) Số nào không chia hết cho 2 và 5 ?

Bài 10: Dùng ba chữ số 7, 5, 0 ghép thành số có ba chữ số thỏa mãn điều kiện sau:

- a) Chia hết cho 2 b) Chia hết cho 5 c) Chia hết cho cả 2 và 5

Bài 11: Trong các số 245, 9087, 396, 531, số nào chia hết cho 9?

Hãy chỉ ra hai số chia hết cho 9 và hai số không chia hết cho 9

Bài 12: Trong hai số 315 và 418, số nào chia hết cho 3?

Bài 13: Cho các số: 117; 3447; 5085; 534; 9348; 123.

a/ Em hãy viết tập hợp A gồm các số chia hết cho 9 trong các số trên.

b/ Có số nào trong các số trên chỉ chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9 không? Nếu có, hãy viết các số đó thành tập hợp B.

Bài 14: Trong các số: 4827; 5670; 6915; 2007.

- a/ Số nào chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9?
b/ Số nào chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9?

Bài 15: Tìm chữ số *

- a) Thay * bằng các chữ số nào để được số $25*3$ chia hết cho 3 và không chia hết cho 9.
b) Thay * bằng các chữ số nào để được số $79*$ chia hết cho cả 2 và 5.
c) Thay * bằng các chữ số nào để được số $12*$ chia hết cho cả 3 và 5.
d) Thay * bằng các chữ số nào để được số $67*$ chia hết cho cả 3 và 5.
e) Thay * bằng các chữ số nào để được số $277*$ chia hết cho cả 2 và 3.

Bài 16: Bạn Tuấn là một người rất thích chơi bi nên bạn ấy thường sưu tầm những viên bi rồi bỏ vào 4 hộp khác nhau, biết số bi trong mỗi hộp lần lượt là 203, 127, 97, 173.

- a/ Liệu có thể chia số bi trong mỗi hộp thành 3 phần bằng nhau được không? Giải thích.
b/ Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi bi thì có thể chia đều tổng số bi cho mỗi người được không?
c/ Nếu Tuấn rủ thêm 8 bạn cùng chơi bi thì có thể chia đều tổng số bi cho mỗi người được không?

Bài 17: Trong các số: 1780; 1437; 5125; 4356; 9135; 4230; 25398;

- a) Số nào chia hết cho 9?
b) Số nào chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9?
c) Số nào chia hết cho 2?
d) Số nào chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2?
e) Số nào chia hết cho cả 2, 3, 5, 9?

Bài 18: Điền vào dấu * để:

- a) $2*6$ chia hết cho 3
b) $6*3$ chia hết cho 9
c) $198*$ chia hết cho cả 5 và 9
d) $619*$ chia hết cho 2, 3, 9.
e) $17*$ chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9.
f) $*24*$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9.

Bài 19: Dùng 3 trong 4 chữ số 4; 5; 6; 0 hãy ghép thành các số tự nhiên có 3 chữ số sao cho số đó:

- a) Chia hết cho 9.
b) Chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9.
c) Chia hết cho cả 2, 3, 5, 9

Bài 20: Tổng (hiệu) sau có chia hết cho 2 không, có chia hết cho 5 không? Cả cho 2 và 5?

1976 + 380

b) 3650 + 249

c) $1.2.3.4.5 + 32$

d) $1.2.3.4.5 - 45$ e) $3.4.5.6.7 - 45$ f) $4.5.6.7.8 + 92$

Bài 21: Không thực hiện phép tính, em hãy cho biết những tổng (hiệu) nào sau đây chia hết cho 2, chia hết cho 5.

a) $146 + 550$; b) $575 - 40$; c) $3.4.5 + 83$; d) $7.5.6 - 35.4$.

Bài 22: Tổng (hiệu) sau có chia hết cho 2 không, có chia hết cho 5 không? Cả cho 2 và 5?

a) $1976 + 380$ b) $3650 + 249$ c) $1.2.3.4.5 + 32$

d) $1.2.3.4.5 - 45$ e) $3.4.5.6.7 - 45$ f) $4.5.6.7.8 + 92$

Bài 23: Không thực hiện phép tính, em hãy giải thích các tổng (hiệu) sau có chia hết cho 3 hay không, có chia hết cho 9 hay không.

a) $1260 + 5306$; b) $436 - 324$; c) $2.3.4.6 + 27$

Bài 24: Tổng (hiệu) sau có chia hết cho 3 không, có chia hết cho 9 không?

a) $1125 + 4416$ b) $3456 - 2134$ c) $1.2.3.4.5 + 18$

d) $1.2.3.4.5.6 - 18$ e) $3.4.5.6 - 27$ f) $10^4 - 1$

DẠNG 4: ƯỚC VÀ BỘI

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. $U(20)$ là:

A. $U(20) = \{1; 2; 4; 5; 10; 20\}$

B. $U(20) = \{1; 2; 4; 5\}$

C. $U(20) = \{4; 5; 10; 20\}$

D. $U(20) = \{2; 4; 5; 10\}$

Câu 2. Tìm tập hợp các bội của 6 trong các số sau: 6; 15; 24; 30; 4

A. $x \in \{6; 15; 24; 30\}$

B. $x \in \{6; 24; 30; 40\}$

C. $x \in \{6; 24; 30\}$

D. $x \in \{6; 24; 30; 40\}$

Câu 3. Tìm x thuộc ước của 60 và $x > 20$.

A. $x \in \{30; 60\}$

B. $x \in \{20; 40\}$

C. $x \in \{10; 50\}$

D. $x \in \{40; 70\}$

Câu 4. Tìm x thuộc bội của 9 và $x < 63$

A. $x \in \{9; 18; 27; 36; 45; 54\}$

B. $x \in \{0; 9; 18; 27; 36; 45\}$

C. $x \in \{18; 27; 36; 45; 54\}$

D. $x \in \{0; 9; 18; 27; 36; 45; 54\}$

Câu 5. Có bao nhiêu số có hai chữ số là bội của 9?

A. 5 số

B. 10 số

C. 15 số

D. 20 số

Câu 6. Tập hợp tất cả các số có hai chữ số là bội của 25 là:

A. $\{25; 50; 75; 80\}$

B. $\{25; 50; 75\}$

C. $\{25; 50; 75; 100\}$

D. $\{25; 50; 75; 80; 100\}$

Câu 7. Có bao nhiêu số vừa là bội của 66 vừa là ước của 72?

A. 4 số

B. 5 số

C. 6 số

D. 7 số

Câu 8. Tìm các số tự nhiên n sao cho $n + 5$ là ước của 12

- A. $n \in \{1; 4; 7; 10\}$ B. $n \in \{1; 7; 12\}$ C. $n \in \{1; 5; 7\}$ D. $n \in \{1; 7\}$

Câu 9. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $B(2) = \{0, 2, 4, 6, 8, \dots\}$ B. $B(2) = \{0, 2, 3, 4, 6, 8, \dots\}$
 C. $B(2) = \{2, 4, 6, 8, \dots\}$ D. $B(2) = \{0, 2, 6, 8, \dots\}$

Câu 10. Đội Sao đỏ của trường có 24 bạn. Cô phụ trách muốn chia đội thành các nhóm đều nhau để kiểm tra vệ sinh lớp học, mỗi nhóm có ít nhất 2 bạn và có ít nhất 2 nhóm. Có bao nhiêu cách chia thành các nhóm như thế?

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

B. BÀI TẬP

TÌM ƯỚC CỦA MỘT SỐ

Câu 1: Hãy tìm các tập hợp sau:

a/ $U(17)$;

b/ $U(20)$.

Câu 2: Tìm tập hợp các ước của 30.

Câu 3: Chọn kí hiệu $\in$ hoặc $\notin$ thay cho $?$ trong mỗi câu sau để được các kết luận đúng.

a/ $6 ? U(48)$;

b/ $12 ? U(30)$;

c/ $7 ? U(42)$;

Câu 4: Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử: $A = \{x \in U(40) | x > 6\}$;

Câu 5: Tìm số tự nhiên x biết:

a/ $45 : x$

b/ $12 : x$

c/ $x \in U(20)$ và $0 < x < 10$.

TÌM BỘI CỦA MỘT SỐ

Câu 1: Hãy tìm các tập hợp sau: $B(4)$; $B(7)$; $B(6)$; $B(12)$; $B(42)$

Câu 2: Tìm tập hợp các bội của 6 nhỏ hơn 50.

Câu 3: Chọn kí hiệu $\in$ hoặc $\notin$ thay cho $?$ trong mỗi câu sau để được các kết luận đúng.

d) $18 ? B(4)$;

e) $28 ? B(7)$;

g) $36 ? B(12)$.

Câu 4: Viết mỗi tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử.

a) $A = \{x \in B(4) | x < 26\}$;

b) $B = \{x \in B(12) | 24 \leq x \leq 60\}$.

Câu 5: Tìm số tự nhiên x biết:

a/ $x \in B(10)$ và $x < 100$.

b/ $x \in B(4)$ và $0 < x \leq 50$.

DẠNG 5: SỐ NGUYÊN TỐ. HỢP SỐ. PHÂN TÍCH RA THỪA SỐ NGUYÊN TỐ

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số nào sau đây là số nguyên tố?

A. 13 B. 25 C. 38 D. 100

Câu 2. Có bao nhiêu số nguyên tố trong các số sau: 7; 13; 21; 53; 29; 120?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3. Số nào sau đây là hợp số?

A. 61 B. 35 C. 97 D. 229

Câu 4. Phân tích số 18 thành thừa số nguyên tố:

A. $18 = 2.32$ B. $18 = 9.2$ C. $18 = 6.3$ D. $18 = 18.1$

Câu 5. Cho biết các cặp số nào sau đây là nguyên tố cùng nhau.

A. 2 và 8 B. 3 và 6 C. 9 và 12 D. 4 và 5

Câu 6. Cho $a.2.b.7 = 140$ với a, b là các số nguyên tố, vậy a có giá trị là bao nhiêu:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 7. Khi phân tích các số 2150; 1490; 2340 ra thừa số nguyên tố thì số nào có chứa tất cả các thừa số nguyên tố 2; 3 và 5?

A. 2150 B. 1490 C. 2340 D. Cả 3 số trên

Câu 8. 225 chia hết cho tất cả bao nhiêu số nguyên tố?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 9. Tích của hai số tự nhiên bằng 105. Có bao nhiêu cặp số thỏa mãn?

A. 2 B. 4 C. 6 D. 8

Câu 10. Có bao nhiêu số nguyên tố p sao cho $p + 4$ và $p + 8$ cũng là số nguyên tố.

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

B. BÀI TẬP

Bài 1: Trong các số 11; 12; 25, số nào là số nguyên tố, số nào là hợp số? Vì sao?

Bài 2: Mỗi số sau là số nguyên tố hay hợp số? Giải thích.

a) 213; b) 245; c) 3737; d) 67.

Bài 3: Trong các số tự nhiên nhỏ hơn 10, số nào là hợp số?

Bài 4: Lớp của bạn Hoàng có 37 học sinh. Trong một lần thi đồng diễn thể dục, các bạn lớp Hoàng muốn xếp thành các hàng có cùng số bạn để được một khối hình chữ nhật có ít nhất là hai hàng. Hỏi các bạn có thực hiện được không? Em hãy giải thích.

Bài 5: Hãy cho ví dụ về:

- a) Hai số tự nhiên liên tiếp đều là số nguyên tố.
- b) Ba số lẻ liên tiếp đều là số nguyên tố.

Bài 6: Phân tích số 60 ra thừa số nguyên tố.

Bài 7: Phân tích các số 225, 180, 105, 306 ra thừa số nguyên tố.

Bài 8: Phân tích mỗi số sau ra thừa số nguyên tố rồi cho biết mỗi số chia hết cho các số nguyên tố nào?

- a) 80;
- b) 120;
- c) 225;
- d) 400.

Bài 9: Phân tích mỗi số sau ra thừa số nguyên tố rồi tìm tập hợp các ước của mỗi số.

- a) 30;
- b) 225;
- c) 210;
- d) 242.

DẠNG 6: ƯỚC CHUNG. ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tìm ƯC (9;21)

- A. $ƯC(9;21)=\{1; 3\}$
- B. $ƯC(9;21)=\{1; 3; 9\}$
- C. $ƯC(9;21)=\{1;3; 7\}$
- D. $ƯC(9;21)=\{1;3;7\}$

Câu 2. Chọn khẳng định đúng:

- A. Mọi số tự nhiên đều có ước là 0
- B. Số nguyên tố chỉ có đúng 1 ước là chính nó.
- C. Hai số nguyên tố khác nhau thì không có ước chung
- D. Mọi số tự nhiên đều có ước chung với nhau.

Câu 3. Tìm $ƯC(12;42;21)$

- A. $ƯC(12; 42; 21)=\{1; 2; 3; 6; 8\}$
- B. $ƯC(12; 42; 21)=\{1; 2; 3; 6; 8; 10\}$
- C. $ƯC(12; 42; 21)=\{1; 2; 3; 6\}$
- D. $ƯC(12; 42; 21)=\{1; 2; 3\}$

Câu 4. Cho $a = 32.5.7$; $b = 24.3.7$. Tìm ƯCLN của a và b.

A. $ƯCLN(a,b) = 3.7$

B. $ƯCLN(a,b) = 22.5$

C. $ƯCLN(a,b) = 24.32.5.7$

D. $ƯCLN(a,b) = 32.72$

Câu 5. Tìm $ƯCLN$ của 15, 45 và 225.

A. 14

B. 15

C. 20

D. 25

Câu 6. Tìm các ước chung của 18; 30; 42.

A. $\{1; 2; 3; 6\}$

B. $\{1; 2; 3\}$

C. $\{1; 2\}$

D. $\{1; 6\}$

Câu 7. Cho $Ư(12) = \{1; 2; 3; 4; 6; 12\}$, $Ư(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$. $ƯCLN(12,18)$ bằng:

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Câu 8. Một lớp học có 18 nam và 24 nữ được chia đều vào các nhóm sao cho số nam trong các nhóm bằng nhau và số nữ trong các nhóm bằng nhau. Hỏi chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm?

A. 4

B. 6

C. 8

D. 10

Câu 9. Lớp 6A có 40 học sinh, lớp 6B có 48 học sinh, lớp 6C có 32 học sinh. Ba lớp cùng xếp thành hàng như nhau và không lớp nào lẻ hàng. Tính số hàng dọc nhiều nhất mỗi lớp có thể xếp được?

A. 4

B. 6

C. 8

D. 10

Câu 10 Tìm x lớn nhất biết $x + 220$ và $x + 180$ đều chia hết cho x .

A. 10

B. 20

C. 40

D. 60

B. BÀI TẬP**Bài 1:** Tìm ước chung của:

a) 35 và 60

b) 36 và 60

c) 40 và 60

d) 15 và 20

e) 11 và 30

f) 36 và 45

g) 24 và 10

h) 30 và 28

i) 18, 36 và 45.

Bài 2: Viết $ƯC(24, 30)$ và từ đó chỉ ra $ƯCLN(24, 30)$.**Bài 3:** Tìm $ƯCLN$ của các số sau:

a) 35 và 60

b) 36 và 60

c) 40 và 60

d) 15 và 20

e) 11 và 30

f) 98 và 238

g) 24 và 10

h) 30 và 28

i) 150 và 84

k) 11 và 15

l) 14; 82; 124

m) 24; 36; 160

Bài 4: Tìm ƯC thông qua ƯCLN

a) 14 và 24

g) 168 và 360

m) 16; 42 và 86

b) 54 và 36

h) 28; 39 và 35

n) 16; 32 và 112

c) 36 và 90

i) 36; 60 và 73

o) 24; 36 và 160

d) 80 và 144

k) 42; 70 và 18

p) 40 và 52

Bài 5: Tìm các số tự nhiên x , biết:a) $62 \vdots x$ và $124 \vdots x$ và x lớn nhấtb) $36 \vdots x$; $18 \vdots x$ và $45 \vdots x$ và x lớn nhấtc) $4 \vdots x$; $140 \vdots x$ và $360 \vdots x$ và x lớn nhấtd) $x \in U(20)$ và $x \leq 10$ e) $x \in U(24)$ và $3 < x \leq 20$ f) $x \in U(36; 24)$ và $x \leq 20$ **C. TOÁN THỰC TẾ ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT**

Bài 1: Mai có một tờ giấy màu hình chữ nhật kích thước 20cm và 30cm. Mai muốn cắt tờ giấy thành các mảnh nhỏ hình vuông bằng nhau để làm thủ công sao cho tờ giấy được cắt vừa hết, không còn thừa mảnh nào. Tính độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông nhỏ (số đo cạnh của hình vuông là một số tự nhiên với đơn vị là cm).

Bài 2: Lớp bạn Hoa cần chia 171 chiếc bút bi, 63 chiếc bút chì và 27 cục tẩy vào trong các túi quà mang tặng các bạn ở trung tâm trẻ mồ côi sao cho số bút bi, bút chì và cục tẩy ở mỗi túi đều như nhau.

a) Tính số lượng túi quà nhiều nhất mà các bạn lớp Hoa có thể chia.

b) Khi đó, số lượng của mỗi loại bút bi, bút chì, cục tẩy trong mỗi túi là bao nhiêu?

Bài 3: Lớp 6A có 12 bạn nữ, 18 bạn nam. Các bạn muốn chia lớp thành các nhóm nhỏ sao cho số nam và nữ được chia đều vào nhóm. Có thể chia nhiều nhất bao nhiêu nhóm? Mỗi nhóm có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 4: Cô giáo muốn chia 240 cây bút; 180 quyển vở và 210 quyển truyện tranh thành những phần thưởng như nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất mấy phần thưởng?

Bài 5: Học sinh khối 6 có 195 nam và 117 nữ tham gia lao động. Thầy phụ trách muốn chia ra thành các tổ sao cho số nam và nữ mỗi tổ đều bằng nhau. Hỏi có thể chia nhiều nhất mấy tổ? Mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 6: Cô Lan phụ trách đội cần chia số trái cây trong đó có 80 quả cam, 36 quả quýt và 104 quả mận vào các đĩa bánh kẹo trung thu sao cho số quả mỗi loại trong các đĩa là bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất mấy đĩa? Khi đó mỗi đĩa có bao nhiêu trái cây mỗi loại?

Bài 7: Lớp 6A có 54 học sinh, lớp 6B có 42 học sinh và lớp 6C có 48 học sinh. Trong ngày khai giảng, ba lớp xếp thành một số hàng dọc như nhau để diễu hành mà không có lớp nào có người lẻ hàng.

a) Tính số hàng dọc nhiều nhất có thể xếp được?

b) Khi đó mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

Bài 8: Nhân dịp ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11, các em học sinh lớp 6 đã mua 54 hoa hồng, 42 hoa cúc để kết thành những bó hoa đẹp tặng Thầy, Cô sao cho trong mỗi bó số hoa hồng đều bằng nhau, số hoa cúc đều bằng nhau.

- a) Hỏi số bó hoa nhiều nhất có thể kết được là bao nhiêu?
- b) Khi đó trong mỗi bó có bao nhiêu hoa?

Bài 9: Có 60 quả táo và 130 quả lê chia đều vào các đĩa, mỗi đĩa có 2 loại. Hỏi có thể chia được nhiều nhất là bao nhiêu đĩa? Khi đó mỗi đĩa có bao nhiêu quả táo, lê?

Bài 10: Lớp 6A có 35 học sinh, lớp 6B có 40 học sinh, lớp 6C có 45 học sinh. Trong ngày khai giảng 3 lớp xếp thành hàng ngang bằng nhau mà không có lớp nào có người lẻ hàng. Tính số hàng ngang nhiều nhất có thể xếp được? Khi đó mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

Bài 11: Có 120 quả cam, 144 quả quýt, 420 quả lê được chia đều vào các rổ, mỗi rổ gồm cả 3 loại quả. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu rổ? Mỗi rổ có bao nhiêu quả mỗi loại?

Bài 12: Một đội y tế có 108 bác sĩ và 180 y tá. Có thể chia đội y tế nhiều nhất mấy tổ để bác sĩ và y tá được chia đều vào mỗi tổ? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu bác sĩ? Bao nhiêu y tá?

Bài 13: Một đội thanh niên làm công tác cứu trợ vùng thiên tai gồm 180 nam và 150 nữ dự định chia thành các tổ sao cho số nam và số nữ ở mỗi tổ đều bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất mấy tổ? Mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 14: Trong một buổi liên hoan, ban tổ chức mua 42 cái bánh, 180 cái kẹo và chia đều ra các đĩa, mỗi đĩa gồm cả kẹo và bánh. Có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu đĩa, mỗi đĩa bao nhiêu kẹo, bao nhiêu bánh?

Bài 15: Một đội y tế có 24 bác sĩ và 208 y tá. Có thể chia đội y tế thành nhiều nhất bao nhiêu tổ? Mỗi tổ có bao nhiêu y tá, bao nhiêu bác sĩ?

Bài 16: Một đội công tác xã hội có 12 nam và 18 nữ. Để đi cứu trợ tại nhiều địa điểm đội dự định chia thành các tổ sao cho số nam và số nữ được chia đều vào mỗi tổ. Hỏi có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu tổ? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 17: Tổ thanh niên tình nguyện đi giúp đồng bào miền núi gồm 84 bạn nam và 72 bạn nữ. Đội trưởng muốn chia các bạn thành nhiều tổ để đi xuống từng xã sao cho trong mỗi tổ có số bạn nam và số bạn nữ bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất bao nhiêu tổ? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ?

Bài 18: Lớp bạn An có 40 học sinh. Trong giờ công nghệ cô giáo đưa cho An một mảnh vải hình chữ nhật kích thước 75cm và 105 cm, cô giáo yêu cầu An cắt mảnh vải đó thành các mảnh vải hình vuông bằng nhau với độ dài cạnh lớn nhất có thể (mảnh vải được cắt hết) để chia cho các bạn trong lớp làm bóp viết.

- a) Tính độ dài một cạnh của mảnh vải hình vuông đó.
- b) Khi đó bạn An cắt được bao nhiêu mảnh vải hình vuông và có đủ để chia cho các bạn trong lớp không? (mỗi học sinh một mảnh).

- Bài 19:** Một mảnh đất hình chữ nhật dài 52m, rộng 36m. Người ta muốn chia đám đất thành những khoảng hình vuông bằng nhau để trồng các loại rau. Hỏi có thể chia được bao nhiêu ô vuông có cạnh hình vuông là lớn nhất và diện tích mỗi mảnh hình vuông là bao nhiêu m^2 ?
- Bài 20:** Cuối học kì 1, cô chủ nhiệm lớp 6A mua 180 quyển vở, 108 bút bi và 72 bút chì chia đều thành các phần thưởng để thưởng cho học sinh giỏi của lớp. Biết rằng có từ 15 đến 20 phần thưởng. Tính số phần thưởng được chia.
- Bài 21:** Một mảnh vườn hình chữ nhật chiều dài 120m, chiều rộng 48m. Người ta muốn trồng cây xung quanh vườn sao cho mỗi góc có một cây và khoảng cách lớn nhất giữa hai cây liên tiếp bằng nhau. Tính khoảng cách lớn nhất giữa hai cây liên tiếp (khoảng cách giữa hai cây là số tự nhiên với đơn vị m). Khi đó tổng số cây trồng được là bao nhiêu?
- Bài 22:** Một người dự định chia đều 80 bao gạo, 160 bộ quần áo và 240 thùng mì gói thành những phần quà tặng cho một số đồng bào đang bị thiên tai ở miền Trung, mỗi phần quà như nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần quà? Mỗi phần quà có bao nhiêu bao gạo, bao nhiêu bộ quần áo, bao nhiêu thùng mì gói?
- Bài 23:** Một đội thiếu niên gồm 40 nam và 64 nữ dự định chia thành các nhóm sao cho số nam và số nữ ở mỗi nhóm đều bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất mấy nhóm? Mỗi nhóm có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?
- Bài 24:** Cô Tổng phụ trách muốn chia 240 bút bi và 180 quyển vở thành những phần thưởng như nhau để tặng cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Hỏi có thể chia được nhiều nhất mấy phần thưởng? Khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu bút bi, bao nhiêu quyển vở ?
- Bài 25:** Cô giáo mua 96 quyển vở và 36 cái bút để chia đều cho các nhóm học tập, mỗi nhóm gồm cả vở và bút. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm học tập? Mỗi nhóm bao nhiêu quyển vở, bao nhiêu cái bút?
- Bài 26:** Lớp 6A có 18 bạn nam và 24 bạn nữ. Trong một buổi sinh hoạt lớp, cô giáo muốn chia các bạn thành từng nhóm sao cho số bạn nam trong mỗi nhóm đều bằng nhau và số bạn nữ cũng vậy. Hỏi lớp có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm? Khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ?
- Bài 27:** Ba khối 6, 7, 8 của một trường lần lượt có 300 học sinh, 276 học sinh, 252 học sinh. Số học sinh của mỗi khối được xếp thành các hàng dọc sao cho số hàng dọc của mỗi khối là như nhau. Hỏi mỗi khối có thể được xếp thành nhiều nhất bao nhiêu hàng dọc, biết rằng không có học sinh nào đứng lẻ hàng. Khi đó ở mỗi hàng dọc của từng khối có bao nhiêu học sinh?
- Bài 28:** Vào tết Trung thu, lớp của Trang đã chuẩn bị các phần quà như nhau từ 240 thanh sô cô la nhỏ và 160 chiếc bánh trung thu để tặng các bạn nhỏ ở một trung tâm trẻ khuyết tật. Hỏi các bạn lớp Trang đã chuẩn bị được nhiều nhất bao nhiêu phần quà. Khi đó, mỗi phần quà bao gồm mấy thanh sô cô la và mấy chiếc bánh trung thu?
- Bài 29:** Nhân kỷ niệm 39 năm ngày nhà giáo Việt Nam (1982 – 2021), trường THCS A tổ chức hội thi văn nghệ toàn trường với chủ đề: “Tri ân thầy cô”. Cô Tổng phụ trách trường

THCS A dự định chia 48 bạn học sinh nam và 72 bạn học sinh nữ thành các tổ sao cho số học sinh nam và nữ trong các tổ đều bằng nhau.

a) Hỏi có thể chia được nhiều nhất thành mấy tổ?

b) Khi đó, mỗi tổ có bao nhiêu học sinh nam và bao nhiêu học sinh nữ?

Bài 30: Bạn Bình có 42 viên bi màu đỏ và 30 viên bi màu vàng. Bạn Bình muốn chia đều số viên bi màu đỏ và màu vàng vào các túi. Hỏi bạn Bình có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu túi? Khi đó mỗi túi có bao nhiêu viên bi mỗi loại?

Bài 31: Để chuẩn bị sơ kết học kỳ I, cô giáo chủ nhiệm dự định chia hết 108 bút chì màu, 144 chiếc thước thành nhiều phần quà sao cho lượng bút chì màu, thước kẻ ở các phần quà là như nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần quà?

Bài 32: Trong đợt tiêm vaccine ngừa Covid-19 cho học sinh các trường Trung học cơ sở trên địa bàn quận Bình Tân, Trung tâm Y tế dự phòng quận đã huy động 80 bác sĩ, 200 y tá và chia thành các tổ tiêm. Việc chia tổ cần đảm bảo sao cho số các bác sĩ được chia đều vào các tổ và số y tá cũng vậy. Hỏi có thể chia số các bác sĩ và y tá đó thành nhiều nhất bao nhiêu tổ tiêm? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu bác sĩ, bao nhiêu y tá?

Bài 33: Một đội đồng ca có 140 học sinh nam và 90 học sinh nữ. Nhà trường dự định chia đội thành các tổ gồm cả nam và nữ, sao cho số nam và nữ ở mỗi đội đều như nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu tổ? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 34: Nhà trường muốn chia 240 cây bút và 360 quyển vở thành các phần quà bằng nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần quà? Khi đó mỗi phần quà có bao nhiêu cây bút, bao nhiêu quyển vở?

Bài 35: Cô giáo có 145 cái bút chì, 172 cái nhãn vở, và 209 cái kẹo. Biết rằng khi cô chia đều số bút chì, nhãn vở, và kẹo cho các học sinh trong lớp thì cô còn thừa 9 cái bút chì, 2 cái nhãn vở, và 5 cái kẹo. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh biết số học sinh trong lớp lớn hơn 20 bạn? Khi đó mỗi bạn nhận được bao nhiêu bút chì, nhãn vở, kẹo?

Bài 36: Chị Lan có ba đoạn dây ruy băng màu khác nhau với độ dài lần lượt là 140cm, 168cm và 210cm. Chị muốn cắt cả ba đoạn dây đó thành những đoạn ngắn hơn có cùng chiều dài để làm nơ trang trí mà không bị thừa ruy băng. Tính độ dài lớn nhất có thể của mỗi đoạn dây ngắn được cắt ra (độ dài mỗi đoạn dây ngắn là một số tự nhiên với đơn vị là xăng – ti – mét). Khi đó, chị Lan có được bao nhiêu đoạn dây ruy băng ngắn?

Bài 37: Vào tháng 10 năm 2022, các tỉnh miền Trung đã chịu nhiều thiên tai như lũ lụt và các trận bão liên tiếp. Để hỗ trợ khắc phục thiệt hại sau bão lũ, một đội thanh niên nguyện gồm 252 nam, 348 nữ đã tham gia cứu trợ tại các tỉnh miền Trung. Người ta muốn chia đội thành nhiều tổ sao cho mỗi tổ đều có số nam và nữ bằng nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu tổ? Khi đó, mỗi tổ có bao nhiêu nam và bao nhiêu nữ?

DẠNG 7: BỘI CHUNG. BỘI CHUNG NHỎ NHẤT

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tìm các bội chung có ba chữ số của 72; 90 và 120.

A. 360 và 720 B. 380 và 720 C. 340 và 640 D. 320 và 720

Câu 2. Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 40 là bội chung của 6 và 9 là:

A. $\{0; 12; 18; 36\}$ B. $\{0; 18; 24; 36\}$ C. $\{0; 18; 36\}$ D. $\{0; 18; 36; 54\}$

Câu 3. 54 và 108 có bội chung nhỏ nhất là

A. 54 B. 108 C. 0 D. 1

Câu 4. Có bao nhiêu số có ba chữ số là bội chung của a và b, biết rằng $BCNN(a, b) = 300$.

A. 1 B. 3 C. 5 D. 7

Câu 5. Tìm x biết $x \in BC(6; 12), 0 < x < 20$

A. 10 B. 8 C. 12 D. 18

Câu 6. Có bao nhiêu số tự nhiên x khác 0 thỏa mãn $x \in BC(12; 15; 20)$ và $x \leq 100$

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 7. Cho a; b có $BCNN(a; b) = 630; UCLN(a; b) = 18$. Có bao nhiêu cặp số a; b thỏa mãn?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 8. Chị Hòa có một số bông sen. Nếu chị bó thành các bó gồm 3 bông, 5 bông hay 7 bông thì đều vừa hết. Hỏi chị Hòa có bao nhiêu bông sen? Biết rằng chị Hòa có khoảng từ 200 đến 300 bông.

A. 120 B. 160 C. 180 D. 210

Câu 9. Một trường tổ chức cho học sinh đi tham quan bằng ô tô. Nếu xếp 35 hay 40 học sinh lên một ô tô thì đều thấy thiếu mất 5 ghế ngồi. Tính số học sinh đi tham quan biết số lượng học sinh đó trong khoảng từ 800 đến 900 em.

A. 840 B. 845 C. 850 D. 855

Câu 10. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

A. Nếu $m : n$ thì $BCNN(m; n) = n$

B. $BCNN(a, b, 1) = BCNN(a, b)$

C. BCNN của a và b là số nhỏ nhất trong tập hợp bội chung của a và b

D. Nếu $UCLN(x; y) = 1$ thì $BCNN(x; y) = 1$

B. BÀI TẬP

Bài 1: Tìm:

a) $BC(6, 14)$ b) $BC(6, 20, 30)$

c) $BC(5, 14)$ d) $BC(10, 12)$

Bài 2: Tìm BCNN của:

- | | | |
|------------------|-----------------|---------------|
| a) 12 và 14 | b) 60 và 80 | c) 84 và 108 |
| d) 7 và 15 | e) 10 và 25 | f) 24 và 27 |
| g) 144; 156; 252 | h) 24; 120; 240 | i) 14; 21; 56 |
| j) 16; 34; 104 | k) 42; 48; 54 | |

Bài 3: Tìm BC thông qua BCNN.

- | | | |
|-----------------|----------------|-------------------|
| a) 12 và 52 | b) 54 và 36 | c) 15 và 25 |
| d) 24; 36 và 60 | e) 16; 32; 112 | f) 45; 120 và 270 |

Bài 4: Tìm x , biết.

- | | |
|------------------------------------|------------------------------------|
| a) $x:15, x:25$ và $100 < x < 250$ | b) $x:15; x:18$ và $150 < x < 200$ |
| c) $x:12, x:21$ và $150 < x < 300$ | d) $x:45; x:60$ và $x < 500$ |

C. TOÁN THỰC TẾ BỘI CHUNG, BỘI CHUNG NHỎ NHẤT

Bài 1: Tìm số tự nhiên a nhỏ nhất khác 0 biết rằng a chia hết 12 và a chia hết 18.

Bài 2: Một số sách khi xếp thành từng bó 10 cuốn, 12 cuốn, 18 cuốn đều vừa đủ bó. Biết số sách trong khoảng từ 200 đến 500. Tính số sách đó.

Bài 3: Trường THCS Nguyễn Trãi tổ chức cho khoảng từ 700 đến 800 học sinh khối 6 và khối 7 đi tham quan hướng nghiệp. Tính số học sinh đi tham quan, biết rằng nếu xếp 40 người hay 45 người lên một xe đều vừa đủ.

Bài 4: Hai bạn Tùng và Hải thường đến thư viện đọc sách. Tùng cứ 5 ngày đến thư viện một lần, Hải 10 ngày một lần. Lần đầu cả hai bạn cùng đến thư viện một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày cả hai bạn cùng đến thư viện?

Bài 5: Số học sinh khối 6 ở một trường, khi xếp thành hàng 4, hàng 5 hay hàng 6 đều vừa đủ không thừa ai. Biết học sinh khối 6 lớn hơn 200 và không quá 240. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh khối 6.

Bài 6: Học sinh lớp 6A khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, hàng 6 đều vừa đủ hàng. Biết số học sinh lớp đó trong khoảng từ 45 đến 50. Tính số học sinh lớp 6A.

Bài 7: Bạn Tùng có một số quyển sách nếu xếp thành từng bó 12 quyển, 16 và 18 quyển đều không dư quyển nào. Tính số sách của Tùng, biết số sách trong khoảng từ 270 đến 300 quyển.

Bài 8: Hai bạn Chăm và Chỉ cùng học một trường nhưng khác lớp. Bạn Chăm cứ 12 ngày trực lớp một lần, còn bạn Chỉ thì cứ 8 ngày trực lớp một lần. Lần đầu hai bạn cùng trực một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày hai bạn lại trực cùng nhau.

Bài 9: Hai đội công nhân nhận trồng một số cây như nhau. Mỗi công nhân đội 1 phải trồng 18 cây, mỗi công nhân đội hai phải trồng 15 cây. Tính số cây mỗi đội phải trồng, biết số cây đó trong khoảng 250-300 cây?

Bài 10: Ba con tàu cập bến theo lịch như sau: Tàu một cứ 15 ngày thì cập bến, tàu hai cứ 20 ngày thì cập bến, tàu ba cứ 12 ngày thì cập bến. Lần đầu cả ba tàu cùng cập bến vào thứ sáu. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu lâu thì cả ba tàu cùng cập bến vào thứ 6?

Bài 11: Bác Bình có khoảng từ 500 đến 750 cây tiêu. Biết rằng nếu bác trồng thành từng hàng 30 cây, 40 cây hoặc 45 cây thì vừa đủ. Tính số cây tiêu của bác Bình?

- Bài 12:** Số học sinh khối 6 của trường là một số tự nhiên có ba chữ số. Mỗi khi xếp hàng 18, hàng 21, hàng 24 đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh khối 6 của trường đó.
- Bài 13:** Biết số học sinh của một trường trong khoảng từ 750 đến 800 học sinh. Khi xếp hàng 10, hàng 12, hàng 15 đều vừa đủ. Tính số học sinh của trường đó.
- Bài 14:** Mỗi công nhân đội 1 làm 24 sản phẩm, mỗi công nhân đội 2 làm 20 sản phẩm. Số sản phẩm 2 đội làm bằng nhau. Tính số sản phẩm của mỗi đội, biết số sản phẩm đó khoảng từ 100 đến 210?
- Bài 15:** Số học sinh khối 6 của một trường khoảng từ 350 đến 400, mỗi lần xếp hàng 4, hàng 5 đều vừa đủ không thừa một ai. Hỏi trường đó khối 6 có bao nhiêu học sinh?
- Bài 16:** Bạn Lan và Minh cùng đến thư viện đọc sách. Lan cứ 8 ngày lại đến thư viện một lần. Minh cứ 10 ngày lại đến thư viện một lần. Lần đầu cả hai cùng đến thư viện vào một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày thì hai bạn lại cùng đến thư viện.
- Bài 17:** Một tủ sách khi xếp thành từng bó 8 cuốn, 12 cuốn, 15 cuốn đều vừa đủ bó. Cho biết số sách khoảng từ 400 đến 500 cuốn. Tìm số quyển sách đó.
- Bài 18:** Số học sinh khối 7 ở trường THCS khi xếp hàng 4, hàng 5 hay hàng 6 đều vừa đủ không thừa không thiếu. Biết số học sinh khối 7 không quá 400. Hỏi trường có bao nhiêu học sinh khối 7.
- Bài 19:** Hưng, Bảo, Ngọc đang trực nhật chung với nhau ngày hôm nay. Biết rằng Hưng cứ 4 ngày trực nhật một lần, Bảo 8 ngày trực nhật một lần, Ngọc 6 ngày trực nhật một lần. Hỏi sau ít nhất mấy ngày thì Hưng, Bảo, Ngọc lại trực chung lần tiếp theo? Khi đó mỗi bạn trực nhật mấy lần?
- Bài 20:** Hai đội công nhân trồng được số cây như nhau. Mỗi công nhân đội 1 phải trồng 18 cây, mỗi công nhân đội 2 trồng được 15 cây. Tính số cây mỗi đội phải trồng. Biết rằng số cây đó trong khoảng 250 đến 300 cây
- Bài 21:** Ba xe ô tô cùng chở nguyên vật liệu cho một công trường. Xe thứ nhất cứ 20 phút chở được một chuyến, xe thứ hai cứ 30 phút chở được một chuyến và xe thứ ba cứ 40 phút chở được một chuyến. Lần đầu ba xe khởi hành cùng một lúc. Tính khoảng thời gian ngắn nhất để ba xe cùng khởi hành lần thứ hai, khi đó mỗi xe chở được mấy chuyến?
- Bài 22:** Học sinh khối 6 của một trường có khoảng 230 đến 300 em. Khi xếp hàng 6 hoặc hàng 12 hoặc hàng 15 đều vừa đủ. Tìm số học sinh khối 6 của trường đó?
- Bài 23:** Số đội viên của một liên đội có từ 1000 đến 1500 đội viên. Mỗi khi xếp hàng 18, hàng 21, hàng 24 đều vừa đủ hàng. Tìm số đội viên của đội đó.
- Bài 24:** Tổng số học sinh khối 6 của một trường học trong khoảng từ 500 đến 600 học sinh. Tính số học sinh khối 6 của trường đó biết số học sinh này khi xếp thành hàng 20, hàng 35, hàng 40 đều vừa đủ hàng.
- Bài 25:** Trường THCS Nguyễn Trãi tổ chức cho khoảng từ 700 đến 800 học sinh khối 8,9 đi tham quan hướng nghiệp. Tính số học sinh đi tham quan, biết rằng nếu xếp 40 người hay 45 người lên một xe đều vừa đủ.
- Bài 26:** Học sinh của một trường học khi xếp hàng 3, hàng 4, hàng 7, hàng 9 đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh của trường, cho biết số học sinh của trường trong khoảng từ 1600 đến 2000 học sinh.
- Bài 27:** Một số sách xếp thành từng bó 10 quyển, 12 quyển, 14 quyển thì đều vừa đủ bó. Tính số sách đó biết rằng số sách trong khoảng từ 700 đến 1000 quyển.

- Bài 28:** Khi tập thể dục giữa giờ, số học sinh khối 6 của trường THCS Nguyễn Trãi xếp hàng 12, 15, 18 đều vừa đủ. Biết rằng số học sinh khối 6 trong khoảng từ 500 đến 600 học sinh. Tính số học sinh khối 6 của trường Nguyễn Trãi.
- Bài 29:** Hai đội công nhân trồng được số cây như nhau. Mỗi công nhân đội 1 phải trồng 18 cây, mỗi công nhân đội 2 trồng được 15 cây. Tính số cây mỗi đội phải trồng. Biết rằng số cây đó trong khoảng 250 đến 300 cây.
- Bài 30:** Một đơn vị bộ đội khi xếp hàng 20, 25, 30 đều dư 15, nhưng xếp hàng 41 thì vừa đủ. Tính số người của đơn vị đó, biết rằng số người chưa đến 1000
- Bài 31:** Hai lớp 6A và 6B cùng thu nhặt một số giấy vụn như nhau. Lớp 6A có 1 bạn thu được 26kg còn lại mỗi bạn thu được 11kg; lớp 6B có một bạn thu được 25kg còn lại mỗi bạn thu được 10kg. Tính số học sinh mỗi lớp biết số giấy thu được trong khoảng 200kg đến 300kg.
- Bài 32:** Số học sinh khối 6 của một trường THCS khi xếp hàng 5 thì dư 3 học sinh, khi xếp hàng 6 thì dư 4 học sinh, khi xếp hàng 8 thì dư 6 học sinh. Tính số học sinh khối 6 của trường đó, biết số học sinh trong khoảng từ 240 đến 400.
- Bài 33:** Tìm số tự nhiên nhỏ nhất sao cho số đó chia cho 3 dư 1 ; chia cho 4 dư 2; chia cho 5 dư 3; chia cho 6 dư 4 và chia hết cho 11.
- Bài 34:** Chị Hòa có một số bông sen. Nếu chị bó thành các bó gồm 3 bông, 5 bông hay 7 bông thì đều vừa hết. Hỏi chị Hòa có bao nhiêu bông sen? Biết rằng chị Hòa có khoảng từ 200 đến 300 bông.
- Bài 35:** Hai bạn Hồng và Hà cùng học một trường nhưng hai lớp khác nhau. Hồng cứ 10 ngày lại trực nhật, Hà cứ 12 ngày lại trực nhật. Lần đầu cả hai bạn cùng trực nhật vào 15/9/2022. Hỏi lần tiếp theo hai bạn cùng trực nhật là ngày, tháng, năm nào?
- Bài 36:** Ba bạn Hùng, Ngọc và Toàn thường đến thư viện đọc sách. Hùng cứ 10 ngày đến thư viện 1 lần, Nga cứ 12 ngày đến thư viện 1 lần, Toàn cứ 15 ngày đến thư viện 1 lần. Lần đầu cả 3 bạn cùng đến thư viện vào 1 ngày. Hỏi có ít nhất bao nhiêu ngày 3 bạn lại cùng đến thư viện với nhau.
- Số học sinh của 1 trường khoảng từ 300 đến 400 em. Nếu xếp mỗi hàng là 6 em, 8 em, và 10 em thì vừa đủ. Tính số học sinh của trường đó.
- Bài 37:** Lớp 6A có 35 học sinh, lớp 6B có 40 học sinh, lớp 6C có 45 học sinh. Trong ngày khai giảng 3 lớp xếp thành hàng ngang bằng nhau mà không có lớp nào có người lẻ hàng. Tính số hàng ngang nhiều nhất có thể xếp được ? Khi đó mỗi hàng có bao nhiêu học sinh ?
- Bài 38:** Hôm nay, ba bạn Nguyễn mang cả hai xe của ba và mẹ bạn ra tiệm để thay nhớt máy. Xe của ba bạn thì đúng 30 ngày thay nhớt một lần, còn xe của mẹ bạn thì đúng 40 ngày thay nhớt một lần. Em hãy cho biết thời gian nào gần nhất thì ba bạn Nguyễn lại đem cả 2 xe (của ba và mẹ) thay nhớt cùng một lúc.
- Bài 39 (NT_HKI 2024-2025):** Ba ô tô chở khách cùng khởi hành lúc 6 giờ sáng từ một bến xe đi theo ba hướng khác nhau, xe thứ nhất quay về bến sau 1 giờ 5 phút và sau 10 phút lại đi, xe thứ hai quay về bến sau 56 phút và lại đi sau 4 phút, xe thứ ba quay về bến sau 48 phút và sau 2 phút lại đi. Hỏi sau ít nhất sau bao nhiêu giờ nữa thì ba xe lại cùng xuất phát cùng nhau lần thứ hai và thời điểm cùng nhau xuất phát lần thứ hai là lúc mấy giờ?

Bài 40(NT HKI 2024-2025): Ba ô tô chở khách cùng khởi hành lúc 7 giờ sáng từ một bến xe đi theo ba hướng khác nhau, xe thứ nhất quay về bến sau 52 phút và sau 8 phút lại đi, xe thứ hai quay về bến sau 1 giờ 10 phút và lại đi sau 20 phút, xe thứ ba quay về bến sau 40 phút và sau 5 phút lại đi. Hỏi sau ít nhất sau bao nhiêu giờ nữa thì ba xe lại cùng xuất phát cùng nhau lần thứ hai và thời điểm cùng nhau xuất phát lần thứ hai là lúc mấy giờ?

DẠNG 8: MỘT SỐ BÀI TOÁN THỰC TẾ VỀ SỐ TỰ NHIÊN

- Bài 1:** Trường tổ chức hội chợ để gây quỹ ủng hộ cho người dân lũ lụt miền Trung. Lớp 6E vẽ một bức tranh và đem bán đấu giá với giá dự kiến là 240 000 đồng. Người thứ nhất trả giá cao hơn dự kiến là 50 000 đồng. Người thứ hai trả giá cao hơn người thứ nhất 70 000 đồng và mua được bức tranh. Hỏi bức tranh được mua với giá bao nhiêu?
- Bài 2:** Để chuẩn bị năm học mới, Nam mua sắm một số đồ dùng học tập. Nam mua hết 10 quyển vở hết 50 000 đồng, 3 cây bút hết 15 000 đồng. Nam đưa người bán hàng tờ 100 000 đồng. Hỏi người bán hàng phải trả lại Nam bao nhiêu?
- Bài 3:** Hoa được mẹ cho 50 nghìn mua đồ dùng học tập. Hoa cần mua một chiếc bút chì, một chiếc tẩy, một chiếc bút bi và một bộ ê ke và giá của những vật dụng này lần lượt là: 4 nghìn, 4 nghìn, 5 nghìn và bộ ê ke thì nhiều hơn chiếc bút bi 15 nghìn. Hoa có đủ tiền mua không ?
- Bài 4:** Mẹ An mua cho An một bộ đồng phục học sinh gồm áo sơ mi giá 125 000 đồng, áo khoác giá 140 000 đồng, quần âu giá 160 000 đồng. Tính số tiền mẹ An đã mua đồng phục cho An
- Bài 5:** Mỗi ngày Mai được mẹ cho 20 000 đồng, Mai ăn sáng hết 10 000 đồng, Mai mua nước ngọt hết 5000 đồng, phần tiền còn lại Mai để vào tủ tiết kiệm. Hỏi sau 15 ngày, Mai có bao nhiêu tiền tiết kiệm?
- Bài 6:** Nhân dịp Tết, mẹ cho bạn Lan 200 000 đồng để mua sắm, siêu thị bán áo với giá 180 000 đồng, quần jeans giá 300 000 đồng, sách giá 15 000 đồng. Hỏi bạn Lan có thể mua nhiều nhất những món hàng nào?
- Bài 7:** Hai ô tô cùng xuất phát từ thành phố A, ô tô thứ nhất đi đến thành phố B với vận tốc 45km/h còn ô tô thứ hai đi đến thành phố C với vận tốc 50km/h. Biết rằng ba thành phố cùng nằm trên một đường thẳng và thành phố A nằm giữa hai thành phố B và C. Hỏi sau khi cả hai ô tô đi được 2 giờ thì hai ô tô cách nhau bao nhiêu km?
- Bài 8:** Bạn Yến đi siêu thị Big C để mua 6 kg đường và 3 hộp sữa. Nhân dịp khuyến mãi nếu khách mua 4kg đường thì tặng 1 hộp sữa. Hỏi bạn Yến phải trả bao nhiêu tiền nếu giá niêm yết mỗi kg đường là 20 000đ và mỗi hộp sữa giá 14000đ.
- Bài 9:** Nhà sách bán 1bộ SGK lớp 6 giá 158.000 đồng; mỗi quyển tập trắng giá 9.500 đồng. Nhân dịp khuyến mãi mùa nhập học, cứ mua 100.000 đồng thì được tặng 1 cuốn tập. Hỏi bạn An mua 2 bộ SGK lớp 6 và 15 cuốn tập thì phải trả bao nhiêu tiền.
- Bài 10:** Lúc 9g, một người đi từ A đến B. Lúc đầu người đó đi bằng xe buýt với vận tốc 40km/h. Đi được 60 phút thì người đó chuyển sang đi bằng ô tô với vận tốc 55km/h và người đó đến B lúc 13g. Hỏi quãng đường AB dài bao nhiêu km ?
- Bài 11:** Bạn Minh muốn mua 3 miếng gà, 2 ly nước và 5 khoai chiên thì bạn Minh sẽ đến tiệm gà nào rẻ hơn và rẻ hơn bao nhiêu (chất lượng sản phẩm 2 tiệm như nhau).

Tiệm gà rán A: niêm yết giá	Tiệm gà rán B: niêm yết giá
Gà: 19 000 đ/miếng	Gà: 22 000 đ/miếng

Nước ngọt: 10 000 đ/ly	Nước ngọt: 9 000 đ/ly
Khoai chiên: 15 000 đ/bịch	Khoai chiên: 12 000 đ/bịch

- Bài 12:** Cửa hàng niêm yết: Gạo 20000đ/kg; Nước tương 25000đ/chai; Dầu nành 40000đ/chai; Nước mắm 62000đ/chai. Hỏi mua 10kg gạo, 1 nước mắm, 2 chai dầu ăn hết bao nhiêu tiền?
- Bài 13:** Giá niêm yết của kem đánh răng là 43000đ/tuýt. Khuyến mãi mua sản phẩm thứ 2 sẽ giảm 2000đ/tuýt so sản phẩm thứ 1, mua sản phẩm thứ 3 giảm 2000đ so với sản phẩm thứ 2,.. (cứ mua thêm 1 sản phẩm giá sẽ tuột xuống 2000đ). Hỏi 5 tuýt kem đánh răng giá bao nhiêu?
- Bài 14:** Chợ rau bán 3 500đ/bó cải, 10 000đ/3 bó cải. Hỏi mua 8 bó cải giá bao nhiêu?
- Bài 15:** Mua gà chiên tại gà LOTTE giá 34000đ/miếng. Mua miếng thứ 2 giảm 2000đ/miếng, miếng 3 giảm 5000đ/miếng, miếng thứ 4 giảm 9000đ/miếng, miếng 5 giảm 10000đ/miếng. Hỏi mua 4 miếng gà giá bao nhiêu.
- Bài 16:** Vé xe buýt từ nhà đến trường là 5000đ/vé. Do có thể học sinh giảm còn 3500đ/vé. Giả sử bạn Hà 1 ngày chỉ đến trường 1 lần vào 22 ngày trong tháng. Hỏi bạn tiết kiệm bao nhiêu tiền?
- Bài 17:** Tuấn đi nhà sách mua vở với giá 9000đ một quyển. Nhà sách đang giảm giá cho hs vào dịp đầu năm, mua từ quyển thứ năm trở lên sẽ giảm còn 8000đ/quyển. Hỏi Tuấn mua được nhiều nhất bao nhiêu quyển vở, biết Tuấn có 118000đ.
- Bài 18:** An đi siêu thị mua 10 hộp bánh cho lớp liên hoan. Siêu thị đang khuyến mãi mua sản phẩm thứ một, ba, năm,...(số lẻ) giá 50000 đồng, mua sản phẩm thứ hai, bốn, sáu,...(số chẵn) giá 28000 đồng. Hỏi An trả tổng cộng bao nhiêu tiền.
- Bài 19:** Trà sữa KOI đang có chương trình khuyến mãi loại MACHITO TEA mua 2 ly tặng 1 ly cùng loại. Nhóm bạn có 7 người phải trả bao nhiêu tiền, biết giá trà loại này là 67000đ/ly.
- Bài 20:** Trong 200 em học sinh lớp 6 thì có một số em chỉ thích chơi cờ vua, một số em chỉ thích chơi bóng bàn và số em còn lại thích chơi cả cờ vua, cả bóng bàn. Biết rằng có 85 em thích chơi cờ vua, 75 em thích chơi bóng bàn. Hỏi có bao nhiêu em thích chơi cả hai môn?
- Bài 21:** Để chuẩn bị cho năm học mới 2018 – 2019, mẹ cho Trang 150000 đồng ra nhà sách Bình Tân mua đồ dùng học tập. Bạn Trang mua 13 cuốn tập với giá 5500 đồng một cuốn và 5 cây viết với giá 3500 đồng một cây.
- a) Hỏi bạn Trang phải trả bao nhiêu tiền ?
- b) Hỏi bạn Trang còn lại bao nhiêu tiền ?
- Bài 22:** Một người dự tính mua loại gạch men có kích thước 60x60 (cm) để lát lối đi hình chữ nhật có chiều rộng 3m và chiều dài 3,6m . Hỏi người ấy phải mua bao nhiêu viên gạch?
- Bài 23:** Ba, mẹ bạn An tìm mua một mảnh đất để xây dựng nhà ở, sau khi tìm được mảnh đất như ý muốn thì chủ đất đưa ra giá bán là 320 triệu đồng, mảnh đất có diện tích đất bằng 64m². Tính giá tiền một m² đất?
- Bài 24:** Một cây bút giá 4000 đồng; một quyển tập giá 9000 đồng. Hỏi em mua 2 cây bút và 5 quyển tập giá bao nhiêu tiền?
- Bài 25:** Nhân ngày khai giảng năm học mới mẹ cho Minh 178500 đồng để mua tập. Biết giá một quyển tập là 8500 đồng. Hỏi với số tiền này Minh có thể mua nhiều nhất bao nhiêu quyển tập?

- Bài 26:** Mẹ đưa Hoa 250000 đồng đi vào siêu thị mua ổi và mua bưởi. Hoa mua 3kg ổi hết 45000 đồng. Mua 1 trái bưởi nặng 2kg, giá 80000 đồng 1 kg. Hỏi:
a/ Giá 1kg ổi là bao nhiêu?
b/ Còn lại bao nhiêu tiền?
- Bài 27:** Bitexco được xem là một trong những tòa nhà cao nhất TPHCM hiện nay với 68 tầng, mỗi tầng cao trung bình 3,85m. Người ta thả một hòn bi từ sân thượng của tòa nhà xuống mặt đất thì sau 12s hòn bi còn cách mặt đất 50m. Hỏi hòn bi đã rơi được quãng đường dài bao nhiêu mét và vận tốc rơi trung bình là bao nhiêu?
- Bài 28:** Bạn An đi mua dụng cụ học tập gồm 15 quyển vở, 8 cây bút bi và 3 quyển sách với tổng số tiền là 155000 đồng. Biết rằng 1 quyển vở có giá 5000 đồng, 1 quyển sách có giá 16000 đồng. Em hãy tính xem 1 cây bút bi có giá tiền là bao nhiêu?
- Bài 29:** Ba, mẹ bạn Quỳnh tìm mua một mảnh đất để xây dựng nhà ở, sau khi tìm được mảnh đất như ý muốn thì chủ đất đưa ra giá bán là 240 triệu đồng, mảnh đất có diện tích đất bằng 48m^2 . Tính giá tiền một m^2 đất?
- Bài 30:** Minh tập luyện để chuẩn bị dự thi hội khỏe Phù Đổng. Minh chạy đều một vòng sân trường hết 150 giây. Hỏi bạn ấy phải mất bao nhiêu thời gian (tính bằng phút) để chạy 8 vòng sân?
- Bài 31:** Một đoàn xe lửa dài 160m chạy vào một đường hầm xuyên qua núi với vận tốc 40 km/h. Từ lúc toa đầu tiên bắt đầu chui vào hầm đến lúc toa cuối cùng ra khỏi hầm mất 4 phút 30 giây. Hỏi đường hầm dài bao nhiêu km?
- Bài 32:** Trên một đoạn đường dài 4800m, các cột điện được trồng cách nhau 80m. Biết rằng ở cả hai đầu đoạn đường đều có trồng cột điện. Như vậy số cây cột điện cần phải trồng là bao nhiêu cây?
- Bài 33:** Một nhà sách gần trường bán một hộp bút màu giá 18000 đồng và một tập giấy kiểm tra giá 5500 đồng. Bạn An cầm 200000 đồng mẹ cho để mua 6 hộp bút màu và 5 tập giấy kiểm tra. Hỏi cô bán hàng sẽ đưa An tiền thừa là bao nhiêu?
- Bài 34:** Hoa xếp 44 quả trứng có trong rổ vào các vỉ, mỗi vỉ đựng 6 quả trứng. Hỏi Hoa xếp được bao nhiêu vỉ trứng?
- Bài 35:** Mẹ cho An 150 000 đồng để đi siêu thị. An mua 2 kg gạo giá 20 000 đồng, 1 kg thịt giá 95000 đồng. An muốn mua cho bé Linh một hộp bánh giá 25 000 đồng. Hỏi An có đủ tiền để mua hộp bánh cho bé Linh không? Vì sao?
- Bài 36:** Bạn An có ngày sinh là số nguyên tố lớn nhất nhưng nhỏ hơn 30, tháng sinh của bạn là số nguyên tố nhỏ nhất. Đó bạn tìm được ngày và tháng sinh của bạn An?
- Bài 37:** Để chuẩn bị cho kiểm tra học kỳ, bạn Việt mua 3 cây bút bi, 5 quyển tập. Biết rằng giá mỗi cây viết bi là 2000 đồng. Biết số tiền bạn Việt đã mua là 36000 đồng. Hỏi giá tiền một quyển tập mà bạn Việt đã mua là bao nhiêu?
- Bài 38:** Một tòa nhà có 10 tầng, ở mỗi tầng có 2 cửa sổ hướng Bắc, 6 cửa sổ ở hướng Nam, 3 cửa sổ ở hướng Tây và 3 cửa sổ ở hướng Đông.
a) Hãy tính số cửa sổ của tòa nhà.
b) Mỗi cửa sổ có 6 ô kính. Lau mỗi ô kính phải trả 3000 đồng. Hỏi tiền lau tất cả các ô kính ở cửa sổ của tòa nhà đó hết bao nhiêu?
- Bài 39:** Trong mùa thu hoạch sầu riêng năm nay, gia đình bạn An cố gắng tìm cách tốt nhất để đóng gói những trái sầu riêng và đưa chúng ra chợ bán, bạn An đã tìm tòi và đưa ra quy tắc đóng gói cho gia đình bạn như sau: + Cho 8 trái vào một túi lớn, phần sầu riêng dư sẽ bỏ ngoài túi. + Cho 8 túi đó vào một thùng carton, phần túi dư sẽ bỏ ngoài thùng. Hỏi sau

khi gia đình bạn An đóng gói 275 trái sầu riêng thì cần dung bao nhiêu thùng carton, bao nhiêu túi và sầu riêng dư thế nào?

Bài 40: Mẹ cho Mai 100000 đồng mua đồ dùng học tập chuẩn bị cho năm học mới. Mai mua 13 cuốn tập với giá 5500 đồng một cuốn và 5 cây viết với giá 3000 đồng một cây. Hỏi bạn Mai phải trả lại bao nhiêu tiền cho mẹ?

Bài 41: Nhà sách Fahasa bán một bộ sách giáo khoa lớp 6 giá 97 700 đồng, một quyển vở giá 7 000 đồng. Bạn Hạnh muốn mua một bộ sách giáo khoa lớp 6 và 24 quyển vở thì tổng số tiền phải trả là bao nhiêu?

Bài 42: Để chuẩn bị cho năm học mới, mẹ cho Trang 150000 đồng ra nhà sách Bình Tân mua đồ dùng học tập. Bạn Trang mua 13 cuốn tập với giá 6500 đồng 1 cuốn và 6 cây bút với giá 3000 đồng một cây.

a) Hỏi bạn Trang phải trả bao nhiêu tiền ?

b) Hỏi bạn Trang còn lại bao nhiêu tiền ?

Bài 43: An đi siêu thị mua cho mẹ 4kg nhãn và 3kg chôm chôm. Tính số tiền An phải trả, biết 1kg nhãn giá 30000 đồng và 1kg chôm chôm giá 25000 đồng.

Bài 44: Minh đi từ nhà tới trường hết 15 phút với vận tốc 20 km/h. Hỏi Minh đi từ trường về nhà với vận tốc 25 km/h thì mất bao nhiêu thời gian? (tính bằng phút)

Bài 45: Trước trận đấu tranh huy chương đồng của môn bóng đá nam tại asiad 2018 được tổ chức tại INDONESIA. Giữa đội tuyển Olympic Việt Nam và đội tuyển Olympic UAE. Hai bạn Hòa và Bình đã quyết định mua lá cờ tổ quốc và áo có in lá cờ tổ quốc để bán cho các cổ động viên yêu đội tuyển Việt Nam. Hai bạn đã mua 200 lá cờ với giá 12000 đồng 1 cái và 300 cái áo với giá 25000 đồng 1 cái. Hỏi hai bạn Hòa và Bình đã lời bao nhiêu tiền? Biết 2 bạn bán được 180 lá cờ với giá 30000 đồng 1 cái và số lá cờ còn lại với giá 20000 đồng 1 cái và 300 cái áo với giá 40000 đồng 1 cái.

Bài 46: Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân dời trụ sở làm việc vào trong khuôn viên Ủy ban nhân dân quận Bình Tân vào năm $abcd$, biết a là số nguyên tố nhỏ nhất; b, c không là số nguyên tố cũng không là hợp số và $b < c$; đồng thời, năm đó là năm chia hết cho 3 và d lớn nhất.

Bài 47: Có ba nhóm học sinh quyên góp vở cho các bạn học sinh nghèo. Nhóm thứ nhất quyên góp được 20 quyển vở, nhóm thứ hai quyên góp được ít hơn nhóm thứ nhất 5 quyển vở, nhóm thứ ba quyên góp được hơn nhóm thứ hai là 4 quyển vở. Hỏi cả 3 nhóm quyên góp được bao nhiêu quyển vở?

Bài 48. Anh Sơn vào siêu thị mua 2 chiếc áo phông giá 125 000 đồng/chiếc; 3 chiếc quần sọc giá 95 000 đồng/chiếc; 5 chiếc khăn mặt giá 17 000 đồng/chiếc.

a) Tính tổng số tiền anh Sơn cần phải trả khi mua các mặt hàng trên.

b) Anh Sơn đã trả bằng hai phiếu mua hàng, mỗi phiếu trị giá 100 000 đồng. Hỏi anh Sơn còn phải trả thêm bao nhiêu tiền?

Bài 49. Nam mang theo 200 000 đồng vào nhà sách mua 5 quyển vở, 4 cái bút bi và 2 cái bút chì. Mỗi quyển vở giá 5000 đồng, giá mỗi cái bút bi là 4000 đồng, giá mỗi cái bút chì là 3000 đồng. Hỏi Nam còn bao nhiêu tiền ?

Bài 50. Một người đặt 2 kg thịt bò, được cửa hàng giao về tận nhà và tính tiền 560000 đồng (kể cả phí ship). Biết phí ship là 20000 đồng. Hỏi 1 kg thịt bò có giá bao nhiêu?

Bài 51. Một xí nghiệp may gia công có chế độ thưởng phạt như sau:

Một sản phẩm tốt được thưởng 50 ngàn. Một sản phẩm có lỗi bị phạt 40 ngàn

Chị Mai làm được 20 sản phẩm tốt và 4 sản phẩm bị lỗi. Hỏi chị Mai nhận được bao nhiêu tiền?

Bài 52. Bạn Thiên Đức đi mua: 3 cây bút bi, 2 quyển sách và 20 quyển tập. Biết giá mỗi cây bút là 4 000 đồng, sách giá 30 000 đồng và tập giá 7 000đ mỗi quyển. Bạn Thiên Đức mang theo 200 000 đồng. Bạn Thiên Đức thừa hay thiếu bao nhiêu tiền ?

Bài 53. Nhi mua 15 quyển vở và 12 cái bút bi. Biết giá mỗi quyển vở là 3500 đồng, và giá một cái bút bi là 3200 đồng. Tính tổng số tiền Nhi cần thanh toán để mua số vở và số bút bi trên.

Bài 54. Nhà ga thứ 1 và nhà ga thứ 2 của một sân bay có thể tiếp nhận tương ứng khoảng 6 526 300 và 3 541 500 lượt hành khách mỗi năm. Nhờ đưa vào sử dụng nhà ga số 3 mà mỗi năm sân bay này có thể tiếp nhận được khoảng 22 851 200 lượt hành khách. Hãy tính số lượt hành khách mà nhà ga số 3 có thể tiếp nhận mỗi năm.

Bài 55. Lớp 6A có 15 học sinh giỏi, lớp 6B có nhiều hơn lớp 6A là 5 học sinh giỏi, lớp 6C có ít hơn tổng số học sinh giỏi của hai lớp 6A và 6B là 11 học sinh giỏi. Hỏi số học sinh giỏi của cả ba lớp.

Bài 56. Linh đi chợ mua cà tím hết 18 000 đồng, cà chua hết 21 000 đồng và rau cải hết 30 000 đồng. Linh đưa cô bán hàng tờ 100 000 đồng thì được trả lại bao nhiêu tiền?

Bài 57. Trong phong trào mua dưa hấu ủng hộ bà con nông dân, trường A đã mua 725 kg dưa hấu. Trong đó khối 6 mua 200 kg, khối 7 mua ít hơn khối 6 là 15 kg, khối 8 mua nhiều hơn khối 7 là 37 kg. Còn lại là số dưa khối 9 mua. Tính số dưa khối 9 mua ủng hộ ?

Bài 58. Tổ thứ nhất sản xuất được 345 sản phẩm trong một ngày, tổ thứ hai sản xuất được ít hơn tổ thứ nhất 21 sản phẩm. Biết số sản phẩm sản xuất trong một ngày của cả ba tổ là 1000 sản phẩm. Hỏi tổ thứ ba sản xuất được bao nhiêu sản phẩm trong một ngày ?

Bài 59. Bốn lớp 6 phải chăm sóc 150 cây trong vườn trường. Lớp 6A phải chăm sóc 35 cây, lớp 6A phải chăm sóc nhiều hơn lớp 6B là 2 cây, số cây lớp 6C chăm sóc nhiều hơn số cây lớp 6B chăm sóc là 8 cây. Hỏi số cây lớp 6D chăm sóc?

Bài 60. Bạn Hoa làm được 135 tấm chắn giọt bắn, bạn Huệ làm được nhiều hơn bạn Hoa 12 tấm. Bạn Hồng làm được ít hơn tổng số tấm chắn giọt bắn của hai bạn Hoa và Huệ là 108 tấm. Hỏi cả ba bạn làm được bao nhiêu tấm chắn giọt bắn.

BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 1

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Gọi X là tập hợp các chữ cái trong từ “thanh”. Cách viết đúng là:

A. $X = \{t; h; a; n; h\}$. B. $X = \{t; h; n\}$. C. $X = \{t; h; a; n\}$. D. $X = \{t; h; a; n; m\}$.

Câu 2: Gọi X là tập hợp các số tự nhiên không lớn hơn 5. Cách viết **sai** là:

A. $X = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$. B. $X = \{0; 2; 4; 1; 3; 5\}$.
C. $X = \{x \in \mathbb{N} | x < 5\}$. D. $X = \{x \in \mathbb{N} | x \leq 5\}$.

Câu 3: Cách viết nào sau đây là **sai**?

A. $a + b = b + a$. B. $ab = ba$. C. $ab + ac = a(b + c)$. D. $ab - ac = a(c - b)$.

Câu 4: Nhầm xem kết quả phép tính nào dưới đây là đúng?

A. $12.11 = 122$. B. $13.99 = 1170$. C. $14.99 = 1386$. D. $45.9 = 415$.

Câu 5: ƯCLN(18, 24) là:

A. 24. B. 18. C. 12. D. 6.

Câu 6: BCNN(3, 4, 6) là:

A. 72. B. 36. C. 12. D. 6.

B. BÀI TẬP TỰ LUẬN

Câu 1: Tính giá trị của biểu thức (bằng cách hợp lí nếu có thể).

a) $A = 37.173 + 62.173 + 173$ b) $B = 72.99 + 28.99 - 900$
c) $C = 2^3.3 - (1^{10} + 15) : 4^2$ d) $D = 6^2 : 4.3 + 2.5^2 - 201^0$

Câu 2: Tìm các chữ số x, y biết:

a) $\overline{12x02y}$ chia hết cho cả 2, 3 và 5.
b) $\overline{413x2y}$ chia hết cho 5 và 9 mà không chia hết cho 2.

Câu 3: Viết các tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử:

a) $A = \{a \in \mathbb{N} | 84 : a; 180 : a \text{ và } a > 6\}$.
b) $B = \{b \in \mathbb{N} | b : 12; b : 15; b : 18 \text{ và } 0 < b < 300\}$.

Câu 4: Trong dịp “Hội xuân 2020” để gây quỹ giúp đỡ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn, lớp 6A bán hai mặt hàng (như bảng ở cột bên) với mục tiêu số tiền lãi thu được là 500 000 đồng

STT	Tên hàng	Số lượng đã nhập	Giá nhập	Giá bán
-----	----------	------------------	----------	---------

1	Trà sữa	100 li	16 500 đồng/li	20 000 đồng/li
2	Dừa	70 quả	9 800 đồng/quả	15 000 đồng/quả

Trong thực tế các bạn đã bán được số lượng hàng như sau: trà sữa bán được 93 li, dừa bán được 64 quả. Hỏi lớp 6A đã thu được bao nhiêu tiền lãi? Lớp 6A có hoàn thành mục tiêu đã đề ra không?

Câu 5: Thực vật được cấu tạo bởi các tế bào. Tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định thì phân chia ra thành 2 tế bào con. Các tế bào con tiếp tục tăng kích thước và lại phân chia thành 4 tế bào, rồi thành 8 tế bào,... Hãy cho biết số tế bào con có được sau lần phân chia thứ tư, thứ năm, thứ sáu từ một tế bào ban đầu.

Câu 6: Nhóm cá bạn lớp 6B cần chia 48 quyển vở, 32 chiếc thước kẻ và 56 chiếc bút chì vào trong các túi quà để mang tặng các bạn ở trung tâm trẻ mồ côi sao cho số quyển vở, thước kẻ và bút chì ở mỗi túi đều như nhau. Tính số lượng túi quà nhiều nhất mà nhóm các bạn có thể chia được. Khi đó, số lượng vở, thước kẻ, bút chì trong mỗi túi là bao nhiêu?

CHƯƠNG 2 - SỐ NGUYÊN

A. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong tập hợp các số nguyên sau, tập hợp nào có các số nguyên được xếp theo thứ tự tăng dần

- A. {2; -17; 5; 1; -2; 0} B. {-2; -17; 0; 1; 2; 5}
- C. {0; 1; -2; 2; 5; -17} D. {-17; -2; 0; 1; 2; 5}

Câu 2: Điền dấu “+” hoặc “-” vào chỗ trống (.....) để được kết quả đúng

- a)3<0 b) 0<....4 c) ...5<3 d) ...3<...5

Câu 3: Kết quả đúng của phép tính $(-3) + (-6)$ là

- A. -3 B. +3 C. +9 D. -9

Câu 4: Hãy khoanh tròn chữ đứng trước câu trả lời đúng

- A. Tổng hai số nguyên dương là một số nguyên dương
- B. Tổng hai số nguyên âm là 1 số nguyên dương
- C. Tổng một số nguyên âm và một số nguyên dương là một số nguyên âm
- D. Tổng một số nguyên âm và một số nguyên dương là một số nguyên dương

Câu 5: Kết quả đúng của phép tính $(-3) + (+6)$ là

- A. -3 B. +3 C. +9 D. -9

Câu 6: Giá trị của x trong phép tính: $3 + x = -2 + 3$ thì $x = ?$

- A. 8 B. -8 C. 2 D. -2

Câu 7: Kết quả đúng của phép tính $(-5).(-3)$ là:

- A. -15 B. +15 C. -8 D. +8

Câu 8: Hãy khoanh tròn chữ đứng trước câu trả lời đúng:

- A. Tích của 2 số nguyên âm là một số nguyên âm
- B. Tích của 2 số nguyên dương là một số nguyên dương
- C. Tích của 1 số nguyên âm với số 0 là một số nguyên âm
- D. Tích của 1 số nguyên dương với số 0 là một số nguyên dương

Câu 9: Giá trị đúng của $(-4)^2$ là:

- A. -8 B. +8 C. -16 D. +16

Câu 10: Các ước của -5 là:

- A. 1 và -1 B. 5 và -5 C. 1; -1; 5 D. 1; 5; -1; -5

Câu 11: Trong các số sau có bao nhiêu số là số nguyên: $-1; 0; 2; 4\frac{1}{3}; -7; 5; -9$

- A. 6 B. 5 C. 4 D. 3

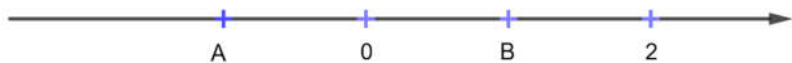
Câu 12: Trong các số sau có bao nhiêu số nguyên âm: $-1; 0; 2; 4\frac{1}{3}; -7; 5; -9$

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 13: Trong các số sau có bao nhiêu số nguyên dương: $-1; 0; 2; 4\frac{1}{3}; -7; 5; -9$

- A. 2 B. 4 C. 5 D. 3

Câu 14: Cho trục tọa độ sau:



Điểm A biểu diễn số nào trên trục số:

- A. 2 B. 3 C. -1 D. 1

Câu 15: Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Tập hợp các số nguyên là tập hợp gồm các số nguyên âm và các số nguyên dương.
- B. Tập hợp các số nguyên là tập hợp gồm các số nguyên âm, số 0 và số nguyên dương.
- C. Tập hợp các số nguyên kí hiệu là $\mathbb{Z}$ trong đó $\mathbb{Z} = \{-1, 0, 1, 2, 3, 4, 5\}$.
- D. Tập hợp các số nguyên không có số 0.

Câu 16: Trong các số nguyên sau: $200; 12; 0; -2; 3; 10$. Số nguyên nhỏ hơn 0 là:

- A. 200 B. -2 C. 10 D. 0

Câu 17: Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Số đối của số 0 là số -0.
 B. Hai số nguyên nằm về hai phía của điểm 0 thì là số đối của nhau.
 C. Hai số nguyên nằm về hai phía của điểm 0 và cách đều 0 thì gọi là số đối của nhau.
 D. Số 0 không có số đối.

Câu 18: Khẳng định nào sau đây là sai:

- A. Các số nguyên dương luôn lớn hơn 0.
 B. Các số nguyên âm luôn nhỏ hơn các số nguyên dương.
 C. Các số nguyên âm luôn lớn hơn 0 và nhỏ hơn các số nguyên dương.
 D. Số 0 luôn lớn hơn các số nguyên âm và nhỏ hơn các số nguyên dương.

Câu 19: Trong các số sau: $2; -15; 6; 17; 10$. Có bao nhiêu số lớn hơn 0:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 20: Khẳng định nào sau đây là sai:

- A. Mọi số nguyên dương đều lớn hơn 0.
 B. Mọi số nguyên dương đều nhỏ hơn 0.
 C. Mọi số nguyên âm đều nhỏ hơn 0.
 D. Số 0 lớn hơn mọi số nguyên âm.

Câu 21: Kết quả của phép tính $2010 - 2021$ là

- A. 11. B. -11. C. -21. D. 4031.

Câu 22: Kết quả của phép tính $12 + (-36)$ là

- A. -24. B. 24. C. -44. D. 48.

Câu 23: Kết quả của phép tính $2020 - 2022$ là

- A. Số nguyên âm. B. Số nguyên dương. C. Số lớn hơn -1. D. Số 0.

Câu 24: Kết quả đúng của phép tính $3 + 2 + (-3)$ là

- A. -2. B. -4. C. 4. D. 2.

Câu 25: Tổng của số nguyên dương nhỏ nhất có hai chữ số và số nguyên âm lớn nhất có hai chữ số là

- A. 0. B. -20. C. 100. D. -50.

Câu 26: Cho số nguyên $x = -2020$. Giá trị của biểu thức $x - 1$ là

- A. -2021. B. 2021. C. 2022. D. -2019.

Câu 27: Bỏ ngoặc biểu thức sau rồi tính $(-2018 + 87) - (2022 + 87 - 2018)$, ta được kết quả nào sau đây?

- A. -1840. B. 2022. C. -5884. D. -2022.

Câu 28: Tính giá trị biểu thức $-(-26) + (35 - x)$ khi $x = 26$, ta được kết quả nào sau đây?

- A. -17. B. 35. C. 61. D. 87.

Câu 29: Tính giá trị biểu thức $321 - 23 - (-23) + (-21)$, ta được kết quả là:

- A. 300. B. 254. C. 342. D. 346.

Câu 30: Cho biết $x : 3 = -48$ thì x bằng

- A. -144. B. -16. C. 16. D. 144.

Câu 31: Khi nhân một số nguyên khác không với chính nó thì được kết quả là 121. Vậy số cần tìm là

- A. -11. B. 11. C. 11 và -11. D. 11 hoặc -11.

Câu 32: Tìm x biết $(x - 3) : 2 = -4$

- A. $x = -11$. B. $x = 11$.
C. $x = 5$. D. $x = -5$.

Câu 33: Các bội của 5 là :

- A. -6; 6; 0; 23; -23. B. 212; -212; 15. C. -1; 1; 5; -5. D. 0; -5; 5; -10; 10.

Câu 34: Số nào sau đây không là ước chung của 12 và -36?

- A. -6. B. -1. C. 3. D. 36.

Câu 35: Có bao nhiêu ước của -24?

- A. 9. B. 17. C. 8. D. 16.

Câu 36: Các ước của -5 là:

- A. 1 và -1 B. 5 và -5 C. 1; -1; 5 D. 1; 5; -1; -5

Câu 37: Các bội của 5 là :

- A. -6; 6; 0; 23; -23. B. 212; -212; 15. C. -1; 1; 5; -5. D. 0; -5; 5; -10; 10.

Câu 38: “Archimedes là một nhà toán học, nhà vật lý, kỹ sư, nhà phát minh và nhà thiên văn học người Hy Lạp. Ông được coi là một trong những nhà khoa học hàng đầu của thời kỳ cổ đại. Ông sinh vào khoảng năm 287 trước Công nguyên và mất khoảng năm 212 trước Công nguyên.” Số nguyên biểu thị năm sinh, năm mất của Archimedes là:

- A. 287 và 212 B. -287 và -212 C. -287 và 212 D. 287 và -212

Câu 39: Người ta thường dùng số nguyên để biểu diễn độ cao của các địa danh so với mực nước biển. Em hãy cho biết biểu diễn nào sau đây là sai:

Địa danh	Số nguyên biểu diễn độ
----------	------------------------

	cao
Đáy vịnh Thái Lan sâu $11132m$	$-11132m$
Đỉnh núi Pu Si Lung – Lai Châu cao $3083m$	$3083m$
Đáy vịnh Vĩnh Hy sâu $1115m$	$-1115m$
Đỉnh núi Bạch Mộc Lương Tử - Lai Châu – Lào Cai cao $3046m$	$-3046m$

A. Đáy Thái Lan B. Đỉnh Bạch Mộc Lương Tử C. Đỉnh Pu Si Lung D. Đáy Vĩnh Hy

Câu 40: Người ta thường dùng số nguyên để biểu diễn năm sinh TCN, năm sinh sau CN của một số nhà toán học. Em hãy cho biết biểu diễn nào sau đây là **sai**:

Năm sinh của các nhà toán học	Số nguyên biểu diễn năm sinh
Thales sinh năm 624 TCN	-624
Fermat sinh năm 1601	1601
Pythagore sinh năm 570 TCN	570
Hypatia sinh năm 360	360

A. Năm sinh Thales

B. Năm sinh Fermat

C. Năm sinh Pythagore

D. Năm sinh Hypatia

B. BÀI TẬP TỰ LUẬN**DẠNG 1 - THỰC HIỆN PHÉP TÍNH (TÍNH HỢP LÍ NẾU CÓ THỂ)**

- | | |
|--|---|
| 1/ $53 - (-16) + 5$ | 2/ $-14 - (-45) + (-83)$ |
| 3/ $43 - 56 + 17$ | 4/ $87 + (-45) - (-79)$ |
| 5/ $(-15) + 45 - 62$ | 6/ $120 : (-5) + 72$ |
| 7/ $-147 - 130 : (-13)$ | 8/ $125.(-8) : (-25).(-7)$ |
| 9/ $25 - 18 + (-43)$ | 10/ $-18 - 3.(-20)$ |
| 11/ $(-18) - (-4).12$ | 12/ $-13 - 9.(-7)$ |
| 13/ $85 - 15.(-3)$ | 14/ $20 + (-13) - 25$ |
| 15/ $(-28) + (-32)$ | 16/ $35 + (-78) - 12$ |
| 17/ $17.75 + 17.25 - 125$ | 18/ $18.74 + 18.22 + 18.4$ |
| 19/ $47.35 + 35.54 - 35$ | 20/ $64 + 125.147 - 47.125$ |
| 21/ $(-4).(-2).125.5.(-8)$ | 22/ $8.4.125.25$ |
| 23/ $(-45).69 + 31.(-45)$ | 24/ $18.25 + 75.18 - 1200$ |
| 25/ $143.64 - 43.64$ | 26/ $115 - (-85) + 53 - (-500 + 53)$ |
| 27/ $(-34) + 11 + 34 + (-11) + 105$ | 28/ $15(16 - 222) - 16(222 + 15)$ |
| 29/ $(38 - 76) - (99 - 76 + 38)$ | 30/ $5.(-7) + 4.(-9)$ |
| 31/ $(161 - 413) - (187 - 639) + (-200)$ | 32/ $(-2)^3 : 4 + (-5)^2$ |
| 33/ $(-4).(12 - 22) + 20 : (-5)$ | 34/ $(-7)^2.9 + 48 : (-2)^2$ |
| 35/ $3.(-5)^2 + 3.(-5) - 60$ | 36/ $(-2)^3 + (27 - 31)^2 - 1998^0$ |
| 37/ $4.3^2 - 5.7 + 2^3.15$ | 38/ $100 - 60 : (5^6 : 5^4 - 3.5)$ |
| 39/ $5^3.37 + 5^3.64 - 5^7 : 5^4$ | 40/ $6.3^2 - 16 : 2^2$ |
| 41/ $2016^0 + 4^4 : 4^2 - 5.2$ | 42/ $2018^0 + 4^4 : 4^2 - 5.2$ |
| 43/ $5^{2017} : (5^{2015}.9 + 5^{2015}.16)$ | 44/ $7^6 : 7^5 + 3^3.3 - 1^{2018}$ |
| 45/ $2018^0 + 1^{2018}.(3^2.3 - 2^4 : 8)$ | 46/ $6^7 : 6^4 - 4^2.4!.4^0$ |
| 47/ $[316 - (25.4 + 16)] : 8 + 24$ | 48/ $40 : [11 + (5 - 2)^2]$ |
| 49/ $\left[(7^5 : 7^3 + 3^3.20)^0 \right]^{2018}$ | 50/ $128 - [68 + 8.(35 - 37)^2] : 4$ |
| 51/ $80 - [130 - (4 - 12)^2]$ | 52/ $225 : \{ 2^2.[(156 - 128) : 14] + 7 \}$ |
| 53/ $[214 - (18.5 - 3^2.4)] : 10 + (-6)$ | 54/ $117 : \{ [79 - 3(3^3 - 17)] : 7 + 2 \}$ |
| 55/ $(-10)^2 - [60 : (5^6 : 5^4 - 3.5)]$ | 56/ $160 : 10.2 + [(11 - 4)^3 - 343].2017^0$ |
| 57/ $[780 - 5(3^3 + 5.2^3)] + 4^2$ | 58/ $\{ [(20 - 2.3).5] + 2 - 2.6 \} : (-2) + (4.5)^2$ |
| 59/ $168 : \{ 46 - [12 + 5.(-32 : 16)^2] \}$ | 60/ $73 - [103 - (3^2.19 - 3^2.9)]$ |
| 61/ $-(27 - 56) + (129 + 27 - 56)$ | 62/ $(-76 - 89 + 34) - (34 - 76)$ |

DẠNG 2: TÌM SỐ NGUYÊN X

- | | |
|------------------------|------------------------------------|
| 1/ $-4x + 2014 = 2018$ | 23/ $55. (50 - 7x) = 55$ |
| 2/ $72 : (x - 15) = 8$ | 24/ $4x + 18 = 2014$ |
| 3/ $90 - 3x = 3$ | 25/ $155 : [4 + (2x - 35)] = 31$ |
| 4/ $9x - 26 = 109$ | 26/ $2500 : [112 - (x + 7)] = 100$ |
| 5/ $-5x + 13 = 23$ | |
| 6/ $3x - 28 = -22$ | |

$$\begin{array}{ll}
 7/2x : (-3) = 6 & 27/2002 : [12 + (2x - 20)] = 91 \\
 8/108 : (5 - x) = -3 & 28/2050 : [72 - (12x + 6)] = 23.3 \\
 9/(-2x - 4) : 12 = -6 & 29/119 + 3^3 \cdot x = 2^3 \cdot 5^2 \\
 10/3(2x + 1) - 19 = 14 & 30/6x + 2^2 \cdot (-3) = (-4)^2 \cdot 3 \\
 11/125 : (3x - 13) = 25 & 31/7x - 13 = (-3)^2 \cdot 4 \\
 12/5x - 34 = 162 : 2 & 32/(72 - x) + 6^{15} : 6^{14} = 21 \\
 13/2x + 40 = 4^{20} : 4^{17} & 33/(4x - 16) : 3^2 = 4 \\
 14/(2 - x) + 10 = -11 & 34/5x - 12 = 3^2 \cdot 52 \\
 15/20 - 10(2 - x) = 10 & 35/2^x = 8 \\
 16/31 - (17 + x) = 55 & 36/3^x = 27 \\
 17/28 + 2x = 35 - (-13) & 37/3 \cdot 2^x = 48 \\
 18/2016 \cdot x(2014 - x) = 16 & 38/-56 + 5^x = -31 \\
 19/21 - (29 + 4x) = -12 & 39/(-4)^x = -64 \\
 20/-12 - 5 \cdot (30 - x) = 23 & 40/-3 \cdot 2^x = -96 \\
 21/27 - 5 \cdot (3 - x) = 12 & 41/4^x - 15 = 1 \\
 22/175 - 5(x + 3) = 85 & 42/-48 : 2^x = -12
 \end{array}$$

DẠNG 3: TÌM ƯỚC VÀ BỘI CỦA SỐ NGUYÊN

Bài 1: Tìm tất cả các ước của các số nguyên sau: 12; 20; -36; 42; 56; -72; 100; -14; 24.

Bài 2: Tìm 5 bội của các số nguyên sau: -6; 10; 14; -21; 26; -30; 33; 41; -47; 50.

Bài 3: Tìm số nguyên x sao cho x+1 là ước của 5

Bài 4: Tìm số nguyên x sao cho x-2 là ước của 4

Bài 5: Tìm số nguyên x sao cho 2x-1 là ước của 3

DẠNG 4: TOÁN THỰC TẾ

Bài 1: Cho độ cao của một số địa điểm như sau: Tam Đảo: 2591m,

Biển chết: -392m. Các câu sau đúng hay sai?

a) Đỉnh núi Tam Đảo cao hơn mực nước biển là 2591m

b) Biển chết có độ cao trung bình thấp hơn mực nước biển là -392m

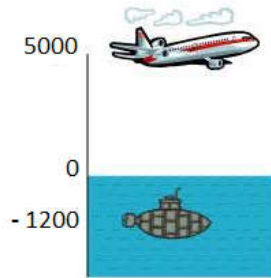
Bài 2: Trong một cuộc thi “hành trình văn hóa”, mỗi người tham gia dự cuộc thi được tặng trước 500 điểm. Sau đó mỗi câu trả lời đúng người đó được nhận 500 điểm, mỗi câu trả lời sai người đó bị trừ 200 điểm. Sau 8 câu hỏi An trả lời đúng 5 câu, sai 3 câu, Lan trả lời đúng 3 câu, sai 5 câu. Hỏi số điểm của mỗi người là bao nhiêu điểm?

Bài 3: Hai ca nô cùng xuất phát từ A cùng đi về phía B hoặc C (A nằm giữa B, C). Qui ước chiều hướng từ A về phía B là chiều dương, chiều hướng từ A về phía C là chiều âm. Hỏi nếu hai ca nô đi với vận tốc lần lượt là 10km/h và -12km/h thì sau 2 giờ hai ca nô cách nhau bao nhiêu km?

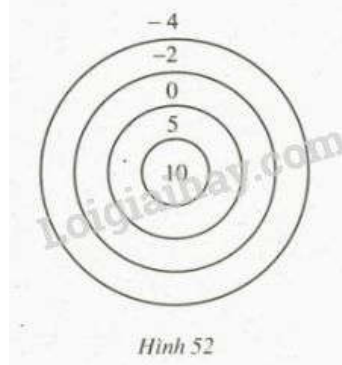
Bài 4: Nhiệt độ ở Mat-xco-va vào buổi sáng là 2°C . Hỏi nhiệt độ buổi chiều là bao nhiêu độ C? Biết nhiệt độ giảm 4°C so với buổi sáng.

Bài 5: Công nhân của công ty giày A làm việc hưởng lương theo sản phẩm. Làm ra 1 sản phẩm đúng tiêu chuẩn được 30 000 đồng, làm ra 1 sản phẩm sai tiêu chuẩn bị trừ 5 000 đồng. Tháng vừa qua công nhân B làm ra được 85 sản phẩm đúng tiêu chuẩn và 7 sản phẩm sai tiêu chuẩn. Hỏi công nhân B được nhận bao nhiêu tiền lương trong tháng vừa qua?

Bài 6: Một chiếc máy bay đang bay ở độ cao 5 km so với mực nước biển. Cùng lúc đó, một tàu ngầm đang lặn ở độ sâu -1200 mét so với mực nước biển. Tính khoảng cách giữa chiếc máy bay và tàu ngầm



Bài 7: Trong trò chơi bắn bi vào các hình tròn vẽ trên mặt đất (h.52), bạn Sơn bắn được ba viên điểm 5, một viên điểm 0 và hai viên điểm -2 ; bạn Dũng bắn được hai viên điểm 10, một viên điểm -2 và ba viên điểm -4 . Hỏi bạn nào được điểm cao hơn ?



Bài 8: Một đội bóng đá năm ngoái ghi được 30 bàn và để thủng lưới 45 bàn. Năm nay đội ghi được 42 bàn và để thủng lưới 28 bàn. Tính hiệu số bàn thắng – thua của đội đó trong mỗi mùa giải.

Bài 9: Một con ếch ở dưới một cái giếng sâu 10m. Ban ngày ếch nhảy lên được 3m, ban đêm tụt xuống 2 m. Hỏi sau bao nhiêu ngày thì ếch lên khỏi giếng ?

Bài 10: Trong lễ hội thả diều ở Fesivan diều Huế, chiếc diều của Việt Nam mang biểu tượng hình chữ S bay ở độ cao 150m (so với mặt đất). Sau một lúc chiếc diều giảm độ cao 15m, rồi sau đó lại tăng thêm 30m. Hỏi sau hai lần thay đổi diều ở độ cao bao nhiêu mét (so với mặt đất)

Bài 11: Hai ô tô xuất phát từ O đi về phía A hoặc B. Ta quy ước chiều đi từ O đến B là chiều dương và chiều ngược lại từ O đến A là chiều âm. Hỏi sau một giờ hai ô tô cách nhau bao nhiêu km nếu vận tốc của chúng lần lượt là:

- a. 40km/h và 30km/h
- b. 40km/h và -30 km/h

Bài 12: Một nhà kinh doanh năm đầu tiên lãi 23 triệu đồng, năm thứ hai lỗ 40 triệu đồng, năm thứ ba lãi 63 triệu đồng. Hỏi số vốn của nhà kinh doanh tăng bao nhiêu triệu đồng sau hai năm kinh doanh? Sau ba năm kinh doanh?

Bài 13: Năm ngoái ông Năm vay ngân hàng nhà nước để chăn nuôi 15 triệu đồng theo chế độ ưu đãi của nhà nước giành cho hộ nghèo vì vậy ông không phải trả lãi xuất. Năm nay do làm ăn đúng quy cách ông đã thoát nghèo và hiện tại ông đã trả được ngân hàng 10 triệu. Hỏi ông Năm còn nợ ngân hàng bao nhiêu?

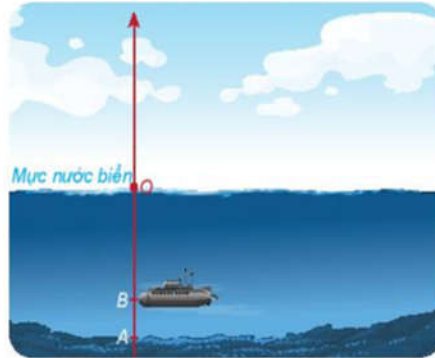
Bài 14: Một xí nghiệp mỗi ngày may được 350 bộ quần áo. Khi may theo một mốt, với cùng khổ vải, số vải dùng để may một bộ quần áo tăng x cm và năng xuất không thay đổi. Hỏi mỗi ngày số vải tăng bao nhiêu cen-ti-mét.

- a. $x = 15$
- b. $x = -10$

Bài 15: Một phòng lạnh đang ở nhiệt độ 10°C . Người ta cài đặt chế độ lạnh cứ mỗi phút giảm 3°C . Hỏi sau 5 phút nhiệt độ của phòng là bao nhiêu độ C?

Bài 16: Một chung cư có 25 tầng và 2 tầng hầm (tầng trệt được đặt là tầng G, các tầng trên được đánh số từ tầng 1,2,3,...,12,12A,14,15,... đến tầng cao nhất là 24, hầm được đánh số là từ trên xuống dưới B1, B2). Một thang máy đang ở tầng 12, sau đó đi lên 7 tầng và xuống 21 tầng rồi lên 2 tầng. Hỏi cuối cùng thang máy dừng lại ở tầng nào?

Bài 17: Một chiếc tàu ngầm đang ở vị trí -20m so với mực nước biển, tàu tiếp tục lặn xuống thêm 15m nữa. Hỏi sau khi lặn xong, tàu ngầm sẽ ở vị trí nào ?



Bài 18: Điểm của Minh trong một trò chơi điện tử đã giảm đi 75 điểm vì một số lần mình bắn trượt mục tiêu. Mỗi lần bắn trượt mục tiêu Minh nhận được -15 điểm. Hỏi Minh đã bắn trượt mục tiêu mấy lần?



Bài 19: Một tủ cấp đông khi chưa bật tủ thì nhiệt độ bằng 22°C . Khi bật tủ đông, nhiệt độ bên trong tủ giảm 2°C mỗi phút. Hỏi phải mất bao lâu để tủ đông đạt -10°C ?

Bài 20: Tòa nhà Bitexco có 68 tầng, tầng trệt gọi là tầng G, có tầng 1, 2, 3, 4, 5 là các khu giải trí, ăn uống, mua sắm, các tầng trên đó là văn phòng làm việc của các công ty tư nhân. Đặc biệt ở tầng 49 là một đài quan sát, lắp kính viễn vọng để ngắm bầu trời và toàn cảnh TPHCM. Tại tòa nhà có 3 hầm để xe, gọi là B1, B2, B3 theo thứ tự từ trên xuống. Cô Lan là nhân viên văn phòng tại đây. Buổi sáng cô để xe tại khu vực tầng hầm, đi thang máy lên 22 tầng làm việc. Buổi trưa cô đi thang máy xuống 15 tầng, đến nhà hàng tại tầng 5 tòa nhà, để đến chỗ ăn liên hoan tất niên. Em hãy tính toán và cho biết cô Lan để xe ở hầm nào? Làm việc ở tầng mấy?



Bài 21. Nhiệt độ ở phòng lạnh là -10°C . Cứ mỗi phút nhiệt độ ở phòng lạnh giảm 2°C . Hỏi sau 10 phút, nhiệt độ ở phòng lạnh là bao nhiêu?

Bài 22. Một ngày tại Thủ đô Mát-xcơ-va của Liên bang Nga có nhiệt độ là -13°C . Theo dự báo thời tiết ngày hôm sau nhiệt độ tăng thêm là 3°C .

a) Hỏi nhiệt độ dự báo của ngày hôm sau sẽ là bao nhiêu ?

b) Trên thực tế nhiệt độ ngày hôm sau lại giảm xuống là 2°C . Hỏi nhiệt độ thực tế ngày hôm sau là bao nhiêu?

Bài 23. Thủy ngân là một kim loại ở thể lỏng trong điều kiện nhiệt độ thông thường. Nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân là -39°C . Nhiệt độ sôi của thủy ngân là 357°C . Tính số độ chênh lệch giữa nhiệt độ sôi và nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân?

Bài 24. Trong một ngày, nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 5 giờ sáng là -6°C , đến 12 giờ trưa tăng thêm 10°C , và lúc 6 giờ tối lại giảm 5°C . Hỏi nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 6 giờ tối hôm đó là bao nhiêu?

Bài 25. Một chiếc tàu ngầm đang ở độ cao -500m so với mặt nước biển. Sau đó tàu ngầm nổi lên 240m , rồi lại lặn xuống 120m . Hỏi sau hai lần nổi lên và lặn xuống như trên thì độ cao mới của tàu ngầm bao nhiêu mét?

Bài 26. Sáng sớm tại New-York nhiệt độ là -5°C . Đến giữa trưa, nhiệt độ tăng thêm 7 độ so với sáng sớm. Đến giữa đêm, nhiệt độ lại giảm thêm 10 độ so với giữa trưa. Tính nhiệt độ của New-York vào giữa trưa và giữa đêm hôm đó.

Bài 27. Vào một ngày mùa đông tại thủ đô Paris (Pa-ri) – Pháp, nhiệt độ lúc 6 giờ sáng là -2°C . Đến 12 giờ trưa, nhiệt độ đã tăng thêm 12°C và đến 7 giờ tối, nhiệt độ giảm đi 15°C . Tính nhiệt độ lúc 12 giờ trưa và 7 giờ tối ở Paris.

Bài 28. Mũi khoan của một giàn khoan trên biển đang ở độ cao 5m so với mực nước biển, chú công nhân điều khiển hạ nó xuống 10m . Vậy vị trí sau đó của mũi khoan là bao nhiêu mét so với mực nước biển ?

Bài 29. Một chiếc điều bay lên đến độ cao 15 m (so với mặt đất), sau đó giảm 5 m rồi gặp gió lại lên 7 m . Hỏi cuối cùng chiếc điều ở độ cao bao nhiêu?

Bài 30. Con điều của An bay bao 15m (so với mặt đất). Sau một lúc độ cao của con điều tăng 2m , rồi sau đó lại giảm 3m . Hỏi con điều ở độ cao bao nhiêu (so với mặt đất) sau hai lần thay đổi?

Bài 31. Một con chim bói cá từ độ cao 3m trên mặt nước (quy ước mặt nước có độ cao là 0 mét) nó phóng xuống 5m để bắt được con mồi. Sau khi bắt được con mồi, nó phóng lên 10m và đậu trên cành ở vị trí đó để ăn mồi. Tính độ cao của chim bói cá lúc bắt mồi và độ cao của chim bói cá lúc ăn con mồi so với mặt nước?

Bài 32. Mẹ cho Hoa 50 nghìn ra tạp hóa kể bên nhà mua giúp mẹ chai dầu ăn 1 lít. Tuy nhiên do giá dầu ăn đã tăng lên là 55 nghìn nên Hoa đưa cô bán tạp hóa 50 nghìn và nợ số tiền còn thiếu. Hôm sau mẹ đưa Hoa 20 nghìn ra trả nợ cho cô bán tạp hóa và còn tiền dư thì mua cho mẹ một số chai nước lọc. Hỏi ban đầu Hoa nợ cô bán tạp hóa bao nhiêu tiền? Sau khi trả nợ xong Hoa có thể mua được cho mẹ tối đa bao nhiêu chai nước lọc biết giá mỗi chai nước lọc là 5 nghìn đồng.

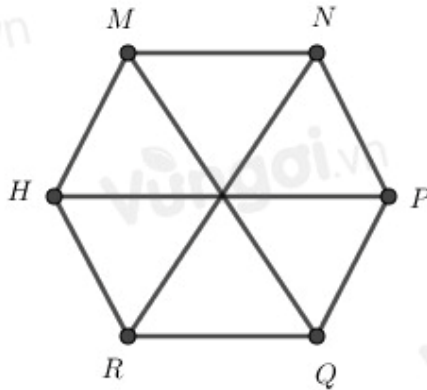
CHƯƠNG 3: HÌNH HỌC TRỰC QUAN CÁC HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN

A. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Hình lục giác đều có 6 đỉnh
- B. Hình lục giác đều có 6 cạnh
- C. Hình lục giác đều có 6 đường chéo chính
- D. Hình lục giác đều có 6 góc

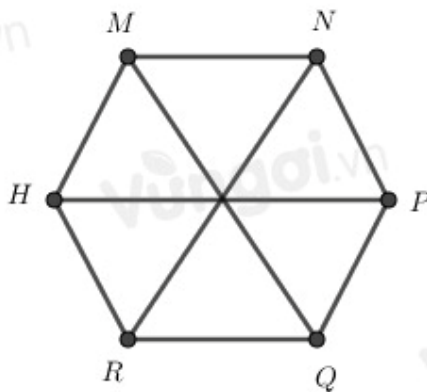
Câu 2



Cho hình lục giác đều $MNPQRH$, phát biểu nào **sai**?

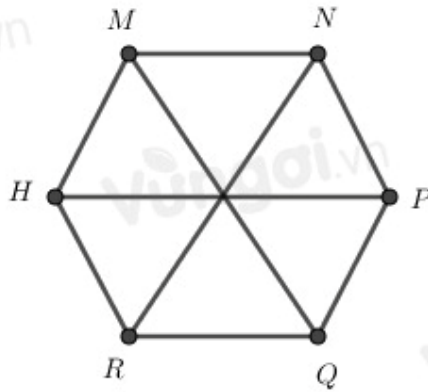
- A. $MQ = NR$ B. $MH = RQ$ C. $MN = HR$ D. $HP = NM$

Câu 3. Cho hình lục giác đều MNPQRH, có bao nhiêu tam giác đều được tạo thành từ các đường chéo chính có cạnh bằng cạnh của lục giác đều



- A. 8 B. 2 C. 4 D. 6

Câu 4.



Cho hình lục giác đều MNPQRH, phát biểu nào **sai**?

- A. 6 đỉnh là M, N, P, Q, R, H B. 6 cạnh là MN, NP, PQ, MQ, QR, HM
C. 3 đường chéo chính là MQ, HP, RN. D. 3 đường chéo chính cắt nhau tại 1 điểm.

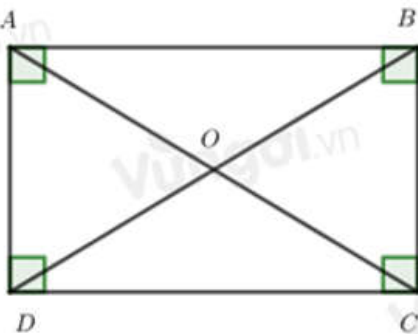
Câu 5. Cho tam giác đều MNP có $MN = 5\text{cm}$, khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $NP = 3\text{cm}$ B. $MP = 4\text{cm}$ C. $NP = 6\text{cm}$ D. $MP = 5\text{cm}$

Câu 6. Chọn phát biểu **sai**:

- A. Tam giác đều có ba cạnh B. Ba cạnh của tam giác đều bằng nhau
C. Bốn góc của tam giác đều bằng nhau D. Tam giác đều có ba đỉnh

Câu 7. Cho hình chữ nhật ABCD, phát biểu nào đúng?

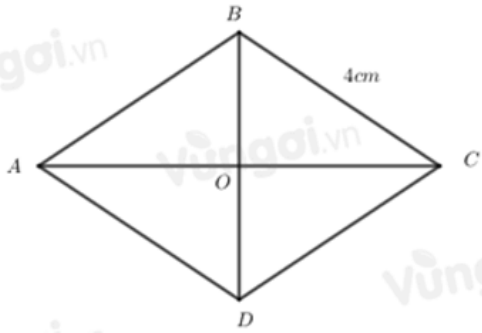


- A. $AB = AC$ B. $AC = DO$ C. $AC = BD$ D. $OB = AC$

Câu 8. Chọn phát biểu **sai** trong các phát biểu sau?

- A. Hình thoi có bốn đỉnh B. Hình thoi có hai cặp cạnh đối bằng nhau
C. Hình thoi có hai cặp cạnh đối song song D. Hình có bốn đỉnh là hình thoi

Câu 9. Cho hình thoi ABCD có $BC = 4\text{cm}$, khẳng định nào sau đây đúng?



- A. $AB = 2\text{cm}$ B. $AD = 8\text{cm}$ C. $DC = 4\text{cm}$ D. $AB = 8\text{cm}$

Câu 10. Chọn phát biểu **sai**?

- A. Hình có bốn đỉnh là hình chữ nhật B. Hình chữ nhật có bốn đỉnh
C. Hình chữ nhật có hai cặp cạnh đối song song. D. Hình chữ nhật có hai đường chéo bằng nhau

B. BÀI TẬP TỰ LUẬN

Bài 1. Tính diện tích của các hình sau:

- a) Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 15 m và 8 m.
b) Hình thang cân có độ dài hai cạnh đáy và chiều cao lần lượt là 20 m, 14 m và 10 m.
c) Hình bình hành có độ dài một cạnh và chiều cao tương ứng lần lượt là 16 dm và 9 dm.
d) Hình vuông có độ dài cạnh là 11 cm.

Bài 2. Hình chữ nhật có độ dài hai cạnh lần lượt là 9 m và 17 m thì có chu vi là bao nhiêu?

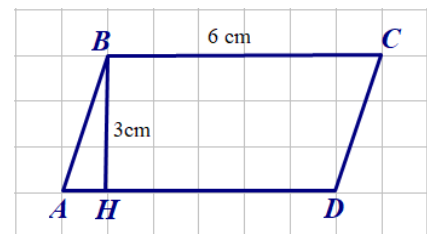
Bài 3. Một mảnh vườn hình chữ nhật có diện tích 60 m^2 và chiều dài là 15m. Tính chu vi của mảnh vườn đó.

Bài 4. Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 10cm và 15cm thì diện tích của nó là bao nhiêu?

Bài 5. Hình chữ nhật có chiều dài 50cm và chiều rộng 2dm thì chu vi là bao nhiêu?

Bài 6. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 64m, chiều dài là 18m. Tính diện tích mảnh vườn.

Bài 7. Diện tích của hình bình hành $ABCD$ bằng bao nhiêu?



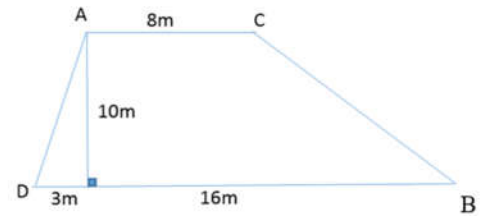
Bài 8. Tính diện tích của hình thang có độ dài hai đáy là 12 cm và 7 cm, chiều cao là 6 cm.

Bài 9. Một con diều hình thoi có hai đường chéo lần lượt là 4dm và 3dm. Diện tích con diều là bao nhiêu?

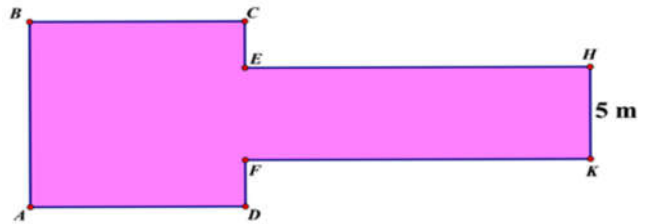
Bài 10. Một hình thoi có diện tích bằng 24 cm^2 . Biết độ dài một cạnh đường chéo bằng 6 cm, tính độ dài đường chéo còn lại của hình thoi đó.

Bài 11. Một thửa đất hình chữ nhật có chu vi là 132m, biết chiều rộng bằng 29m. Tính diện tích thửa đất đó?

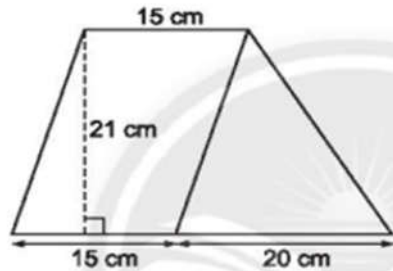
Bài 12. Mảnh ruộng hình thang nhà bác Ba có số đo như hình dưới đây. Tính diện tích mảnh ruộng hình thang nhà bác Ba?



Bài 13. Nhà bạn An có miếng đất như hình vẽ bên, gồm hình vuông ABCD và hình chữ nhật EHKF có diện tích bằng nhau. Biết hình chữ nhật EHKF có chiều rộng HK = 5m và chiều dài EH gấp 3 lần chiều rộng HK. Tính diện tích miếng đất của nhà bạn An.



Bài 14. Tính diện tích của hình sau:



Bài 15. Tính diện tích hình vuông ABCD có độ dài cạnh bằng 6 cm.

Bài 16. Tính diện tích hình vuông ABCD biết chu vi của hình vuông đó là 24 cm.

Bài 17. Tính diện tích hình vuông biết nửa chu vi của hình vuông là 30 cm.

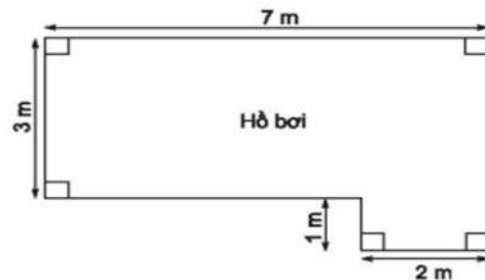
Bài 18. Một mảnh đất trồng rau hình vuông có chu vi 240 m. Tính diện tích mảnh đất đó.

Bài 19. Bác Hoa có một thửa ruộng hình vuông có độ dài cạnh bằng 30 m. Bác trồng lúa trên thửa ruộng đó. Biết rằng cứ 100 m² thì thu hoạch được 70 kg thóc. Hỏi nếu thu hoạch hết lúa trên thửa ruộng đó thì bác Hoa thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc.

Bài 20. Bác An có một căn phòng hình vuông có độ dài cạnh là 4 m. Bác dùng loại gạch lát nền hình vuông có cạnh dài 40 cm. Bết mỗi viên gạch giá 20 000 đồng. Hỏi số tiền bác An phải mua gạch là bao nhiêu?

Bài 21. Anh Nam muốn dùng giấy dán để trang trí một bức tường hình vuông có độ dài cạnh là 6 m bằng các tấm giấy hình vuông có cạnh là 50 cm. Hỏi để dán hết bức tường thì cần bao nhiêu tờ giấy?

Bài 22. Tính chu vi và diện tích của hình sau:



Bài 23. Tăng cạnh của hình vuông lên 2 lần thì diện tích hình vuông sẽ tăng lên bao nhiêu lần?

Bài 24. Một miếng đất hình vuông khi mở rộng thêm về một phía 5 m thì phần mảnh đất mở rộng là hình chữ nhật có chu vi 26 m. Tìm diện tích mảnh đất hình vuông ban đầu?

Bài 25. Tính diện tích của các hình sau:

a) Hình bình hành có độ dài một cạnh bằng 9 cm và chiều cao tương ứng bằng 6 cm.

b) Hình chữ nhật có chiều rộng là 5 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng.

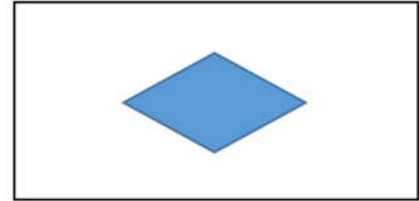
Bài 26. Một miếng bìa hình thoi có độ dài đường chéo bé bằng 24cm, độ dài đường chéo lớn gấp 2 lần đường chéo bé. Diện tích của miếng bìa đó bằng bao nhiêu?

Bài 27. Một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 45cm, biết đường chéo thứ nhất bằng $\frac{3}{2}$ đường chéo thứ hai. Hỏi hình thoi đó có diện tích là bao nhiêu?

Bài 28. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 30m, chiều rộng ít hơn chiều dài 15m. Tính chu vi khu vườn đó?

Bài 29. Bác Nam muốn làm một cái cửa sổ hình thoi có chiều dài hai đường chéo lần lượt là 120cm và 70cm. Bác muốn làm cửa sổ bằng kính để tạo nên nét sang trọng và nhận được nhiều ánh sáng tự nhiên cho căn nhà. Em hãy tính diện tích phần mặt kính mà bác Nam cần dùng để làm vừa khít cái cửa sổ đó (xem như diện tích phần viền không đáng kể).

Bài 30. Một mảnh đất trong công viên hình chữ nhật có chiều dài 16 m và chiều rộng bằng nửa chiều dài. Người ta dự định làm một giàn hoa bên trong mảnh đất đó có hình thoi như hình bên dưới, còn lại sẽ trồng hoa hồng. Nếu mỗi mét vuông trồng được 4 cây hoa hồng, hỏi cần bao nhiêu cây hoa hồng để trồng hết phần đất còn lại đó?



Bài 31. Tính diện tích của một mảnh vườn hình chữ nhật, biết chiều rộng mảnh vườn là 15m, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng.

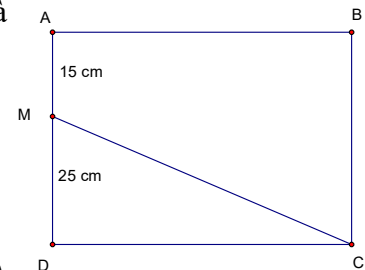
Bài 32. Một mảnh vườn hình thang có hai đáy lần lượt là 15m, 5m và chiều cao là 4 m. Tính diện tích mảnh vườn đó.

Bài 33. Cho hình thoi có độ dài một cạnh bằng 4cm, độ dài 2 đường chéo lần lượt là 3cm và 5cm. Tính chu vi và diện tích của hình thoi đó.

Bài 34. Một hình bình hành có độ dài hai cạnh là 3cm và 4cm. Tính chu vi hình bình hành.

Bài 35. Cho hình vẽ sau đây biết diện tích hình tam giác MCD là 1500 cm^2 .

- Tìm diện tích hình chữ nhật $ABCD$?
- Tìm diện tích tứ giác $AMCB$?

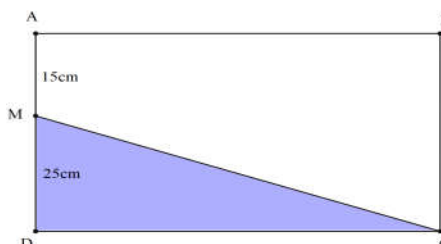


Bài 36. Một miếng đất hình bình hành có một cạnh dài 32m và chiều cao tương ứng bằng cạnh đó. Trên miếng đất người ta trồng rau, mỗi mét vuông đất thu hoạch được 2,5kg rau. Hỏi trên miếng đất đó thu hoạch được tất cả là bao nhiêu kg rau?

Bài 37. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 12 m, chiều rộng kém chiều dài 4 m. Tính chu vi của khu vườn đó.

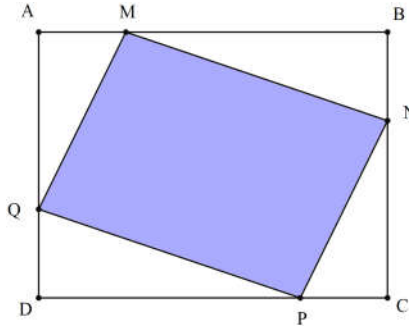
Bài 38. Bác Năm uốn một dây thép thành móc treo đồ có dạng hình thang cân với độ dài hai cạnh đáy và cạnh bên lần lượt là 30cm, 24cm và 5cm. Bác Hưng cần bao nhiêu xăng – ti – mét dây thép để làm móc treo đó?

Bài 39. Cho hình vẽ dưới đây, biết diện tích hình chữ nhật $ABCD$ là 2400 cm^2 . Tính diện tích hình tam giác MCD .



Bài 40. Cho hình thang $ABCD$ có đáy nhỏ AB là 27 cm , đáy lớn CD là 48 cm . Nếu kéo dài đáy nhỏ thêm 5 cm thì được diện tích của hình thang tăng thêm 40 cm^2 . Tính diện tích hình thang đã cho.

Bài 41. Cho hình vẽ với các số đo như sau:



Tính diện tích hình bình hành $MNPQ$ vẽ trong hình chữ nhật $ABCD$. Biết $AB = 28\text{ cm}$;

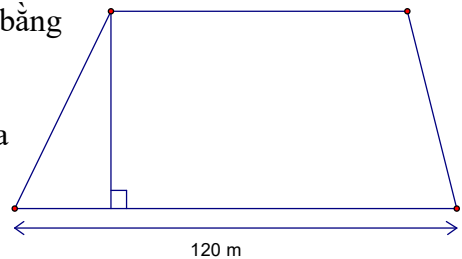
$$CB = 18\text{ cm}; AM = CP = \frac{1}{4}AB; BN = DQ = \frac{1}{3}BC;$$

Bài 42. Cho hình thang có độ dài hai đáy là 4 cm và 6 cm . Độ dài chiều cao tương ứng là 3 cm . Tính diện tích của hình thang đó.

Bài 43. Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài bằng 30 cm , chiều rộng bằng một nửa chiều dài. Tính chu vi và diện tích tấm bìa đó.

Bài 44. Một thửa ruộng hình thang có đáy lớn 120 m ; đáy bé bằng 80 m và chiều cao bé hơn đáy bé là 5 m .

- Tính diện tích thửa ruộng hình thang.
- Cứ 2 m^2 thu được 10 kg thóc. Tính xem trên cả thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?



CHƯƠNG 4: MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ

A. BÀI TẬP TƯ LUẬN:

DẠNG 1: THU THẬP VÀ PHÂN LOẠI DỮ LIỆU

Bài 1: Bạn An muốn tìm hiểu về môn học yêu thích của các bạn trong lớp và bạn ghi lại như sau:

Môn học	Kiểm đếm	Số bạn
Toán		
Văn		
GDCD		
Sinh		
HĐTN		
TD		
Tiếng Anh		

- Em hãy giúp bạn An hoàn thành công việc.
- Em hãy cho biết bạn An đang điều tra về vấn đề gì?
- Bạn ấy thu thập được các loại dữ liệu gì?
- Môn học nào được các bạn trong lớp yêu thích nhiều nhất và có bao nhiêu bạn?

Bài 2: Cho bảng dữ liệu sau:

Số học sinh trong các tổ của lớp 6A1 sử dụng điện thoại khi học trực tuyến

Tổ 1	Tổ 2	Tổ 3	Tổ 4	Tổ 5
2	m	5	0,5	3

- a) Em hãy cho biết bảng trên đang điều tra về vấn đề gì?
 b) Tìm kiếm thông tin chưa hợp lý của bảng dữ liệu và cho biết nó vi phạm tiêu chí nào?

Bài 3: Sao đỏ theo dõi ghi lại số học sinh đi muộn trong tuần qua của khối 6 trong bảng dữ liệu sau:

Lớp	6A	6B	6C	6D	6E
Số HS đi muộn	3	4	a	5	90

- a) Em hãy cho biết bảng trên điều tra về vấn đề gì?
 b) Chỉ ra điểm không hợp lý trong bảng trên và cho biết điểm đó vi phạm tiêu chí nào?

Bài 4: Số học sinh vắng trong ngày của các lớp khối 6 ở một trường THCS như sau:

6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6	6A7	6A8
1	-2	0	K	1	2	2,5	3

- a) Em hãy cho biết bảng trên điều tra về vấn đề gì?
 b) Có bao nhiêu dữ liệu không hợp lý và vi phạm tiêu chí nào? Hãy giải thích.

Bài 5: Thân nhiệt (độ C) của bệnh nhân A trong 10 tiếng theo dõi được ghi lại trong bảng sau:

39	44	Lạnh	39	40
38	37	36	Nóng	38

- a) Em hãy tìm kiếm các thông tin không hợp lý của bảng dữ liệu trên.
 b) Các thông tin không hợp lý đó đã vi phạm những tiêu chí nào? Hãy giải thích.

DẠNG 2: BIỂU DIỄN DỮ LIỆU TRÊN BẢNG

Bài 1: Điểm kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được giáo viên ghi lại ở bảng sau:

10	7	7	6	5	5	10	8	9	6
8	6	6	8	7	9	5	8	6	8
7	9	8	8	10	8	7	10	6	10

- a) Em hãy cho biết bảng dữ liệu trên thuộc loại nào?
 b) Em hãy cho biết giáo viên đang điều tra về vấn đề gì? Lớp 6A có bao nhiêu học sinh?
 c) Hãy lập bảng thống kê tương ứng và cho biết các bạn học sinh lớp 6A đạt điểm bao nhiêu là nhiều nhất.
 d) Số học sinh đạt từ điểm 7 trở lên là bao nhiêu?

Bài 2: Điểm kiểm tra môn Toán của lớp 6B được cho trong bảng sau:

Điểm số	10	9	8	7	5	4
Số học sinh	3	6	17	5	3	2

- a) Em hãy cho biết bảng dữ liệu trên thuộc loại nào?
 b) Em hãy cho biết bảng trên đang điều tra về vấn đề gì? Lớp 6B có bao nhiêu học sinh?
 c) Số học sinh đạt từ 8 điểm trở lên là bao nhiêu? Số học sinh đạt điểm trên trung bình là bao nhiêu?

d) Em hãy cho biết các bạn học sinh lớp 6B đạt điểm bao nhiêu là nhiều nhất, điểm bao nhiêu là ít nhất?

Bài 3: Kết quả điều tra loài hoa yêu thích nhất của một số bạn khối 6 được cho như bảng dữ liệu sau đây:

H	L	C	M	Đ	M
Đ	C	H	M	Đ	C
Đ	C	M	C	Đ	C
C	L	L	H	C	L

Viết tắt: H: Hoa hồng, C: Hoa cúc; L: Hoa lan; Đ: Hoa đào; M: Hoa mai.

- Em hãy cho biết bảng dữ liệu trên thuộc loại nào?
- Em hãy cho biết bảng trên đang điều tra về vấn đề gì?
- Hãy lập bảng thống kê tương ứng.
- Có tất cả bao nhiêu bạn tham gia cuộc điều tra? Hỏi hoa nào được yêu thích nhất?

Bài 4: Sau khi điều tra học lực của các học sinh lớp 6C, giáo viên thu được bảng sau:

Học lực	G	K	TB	Y
Số lượng	10	15	12	4

- Hãy gọi tên bảng dữ liệu ở trên.
- Lớp 6C có tất cả bao nhiêu học sinh?
- Số học sinh lớp 6C đạt học lực nào là nhiều nhất? Đạt học lực nào là ít nhất?
- Lớp 6C có bao nhiêu học sinh đạt học lực từ Khá trở lên?
- Số học sinh đạt học lực Khá nhiều hơn số học sinh đạt học lực Trung bình bao nhiêu học sinh? Số học sinh đạt học lực Giỏi ít hơn số học sinh đạt học lực Trung bình bao nhiêu học sinh?

Bài 5: Điểm kiểm tra môn Toán của một số học sinh lớp 6E được giáo viên ghi lại ở bảng sau:

10	7	7	6	5	8	10	8	9	6
8	6	8	8	7	9	5	8	7	8

- Em hãy lập bảng thống kê tương ứng.
- Dựa vào bảng thống kê em hãy cho biết:
 - Điểm bao nhiêu học sinh đạt được là nhiều nhất?
 - Số học sinh đạt điểm 5 ít hơn số học sinh đạt điểm 7 bao nhiêu học sinh?
 - Số học sinh đạt điểm 8 nhiều hơn số học sinh đạt điểm 10 bao nhiêu học sinh?

Bài 6: Điều tra loại phim yêu thích nhất của 36 bạn lớp 6A3, bạn lớp trưởng thu được bảng dữ liệu như sau:

H	H	L	L	K	K	H	T	C	C	T	H
H	C	T	T	K	C	L	H	H	H	L	L
T	C	T	T	K	H	L	T	C	H	H	C

Viết tắt: H: Hoạt hình; L: Lịch sử; K: Khoa học; C: Ca nhạc; T: Trinh thám.

- Hãy lập bảng thống kê tương ứng.
- Em hãy cho biết:
 - Loại phim nào được các bạn học sinh lớp 6A3 yêu thích nhiều nhất?
 - Loại phim nào được các bạn học sinh lớp 6A3 yêu thích ít nhất?
 - Số học sinh yêu thích phim Lịch sử ít hơn số học sinh yêu thích phim Trinh thám bao nhiêu học sinh?
 - Số học sinh yêu thích phim Ca nhạc nhiều hơn số học sinh yêu thích phim Khoa học bao nhiêu học sinh?

DẠNG 3: BIỂU ĐỒ TRANH

Bài 1: Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh tổ 1 lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường.

Loại phương tiện	Số học sinh
Đi bộ	
Xe đạp	 
Xe máy (ba mẹ chở)	  
Phương tiện khác	

(Mỗi  ứng với 2 học sinh)

- a) Dựa vào bảng trên, em hãy cho biết:
- Tổ 1 lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?
 - Loại phương tiện nào được học sinh tổ 1 lớp 6A sử dụng nhiều nhất?
- b) Từ biểu đồ tranh ở trên, em hãy ghi vào bảng thống kê tương ứng.

Bài 2: Cho biểu đồ tranh sau:

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Cam	★★★★
Táo	★★★★▲★
Mận	★★★★★▲
Bưởi	★★★★▲★
Chuối	★★★★★★

★: 10 học sinh

▲: 5 học sinh

Dựa vào bảng trên, em hãy cho biết:

- a) Loại quả nào được ít học sinh chọn nhất?
- b) Loại quả nào được học sinh yêu thích nhất và số lượng học sinh đó là bao nhiêu?
- c) Số học sinh thích quả chuối nhiều hơn số học sinh thích quả táo là bao nhiêu?

Bài 3: Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số học sinh lớp 6/2 chọn loài hoa yêu thích nhất.

Loài hoa	Số học sinh chọn
Hoa mai	  
Hoa hồng	   
Hoa mười giờ	 
Hoa hướng dương	 

( = 3 học sinh)

- a) Lớp 6/2 có tất cả bao nhiêu học sinh?
- b) Từ biểu đồ tranh ở trên, em hãy ghi vào bảng thống kê tương ứng.

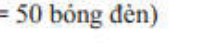
Bài 4: Hãy đọc dữ liệu ở biểu đồ tranh dưới đây:

Số bóng đèn bán được trong tuần của cửa hàng A	
Ngày	Số bóng đèn
Thứ Hai	
Thứ Ba	
Thứ Tư	
Thứ Năm	
Thứ Sáu	
Thứ Bảy	
Chủ nhật	

( = 10 bóng đèn;  = 5 bóng đèn)

- Cho biết thứ sáu bán được bao nhiêu bóng đèn?
- Cho biết ngày nào trong tuần bán được bóng đèn nhiều nhất và bán được bao nhiêu bóng đèn?
- Số bóng đèn ngày thứ bảy bán được nhiều hơn số bóng đèn ngày thứ tư là bao nhiêu bóng đèn?
- Cho biết trong tuần cửa hàng A bán được tất cả bao nhiêu bóng đèn?

Bài 5: Quan sát biểu đồ tranh dưới đây:

Số lượng bóng đèn sản xuất được trong tuần của phân xưởng A	
Ngày	Số bóng đèn
Thứ Hai	
Thứ Ba	
Thứ Tư	
Thứ Năm	
Thứ Sáu	
Thứ Bảy	

( = 100 bóng đèn;  = 50 bóng đèn)

- Cho biết ngày thứ 3 xưởng sản xuất được bao nhiêu bóng đèn? Cho biết ngày thứ sáu xưởng sản xuất được bao nhiêu bóng đèn?
- Cho biết ngày thứ tư xưởng sản xuất nhiều hơn ngày thứ năm bao nhiêu bóng đèn?
- Cho biết ngày thứ bảy xưởng sản xuất ít hơn ngày thứ ba bao nhiêu bóng đèn?
- Cho biết trong tuần xưởng sản xuất được tất cả bao nhiêu bóng đèn?

Bài 6: Cho biểu đồ tranh thể hiện số xe bán được trong tháng của một cửa hàng như sau:

Màu xe đạp	Số xe bán được
Xanh dương	 
Xanh lá cây	 
Đỏ	  
Vàng	
Trắng bạc	  

( = 10 xe;  = 5 xe)

- Số xe màu xanh dương cửa hàng bán được trong tháng là bao nhiêu?
- Trong tháng, số xe màu trắng bạc bán được nhiều hơn số xe màu xanh lá cây bao nhiêu chiếc xe?
- Trong tháng, xe đạp màu nào bán được nhiều nhất, ít nhất? Và bán được bao nhiêu chiếc xe?
- Trong tháng, cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu chiếc xe?

Bài 7: Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số máy cày của 5 xã.

Xã	Số máy cày
Xã A	   
Xã B	  
Xã C	 
Xã D	  
Xã E	  

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

- Xã nào có ít máy cày nhất? Xã nào có nhiều máy cày nhất?
- Xã D có nhiều hơn xã C bao nhiêu máy cày?
- Xã E có ít hơn xã A bao nhiêu máy cày?
- Cả 5 xã có tất cả bao nhiêu máy cày?
- Em hãy lập bảng thống kê tương ứng từ biểu đồ tranh trên.

Bài 8: Cho biểu đồ tranh sau:

Số học sinh khối lớp 6 được điểm 10 môn Toán trong tuần

Ngày	Số học sinh được điểm 10 môn Toán
Thứ Hai	  
Thứ Ba	 
Thứ Tư	
Thứ Năm	    
Thứ Sáu	  

( = 1 học sinh)

- Ngày nào trong tuần số học sinh được điểm 10 môn Toán nhiều nhất? Ít nhất?
- Số học sinh đạt điểm 10 ngày thứ ba nhiều hơn hay ít hơn ngày thứ hai?

c) Ngày thứ sáu có bao nhiêu học sinh đạt điểm 10 môn Toán?

d) Số học sinh khối 6 đạt điểm 10 môn toán trong tuần là bao nhiêu học sinh?

Bài 9: Cho biểu đồ tranh thể hiện số học sinh các lớp 6 đi học muộn trong một tháng như sau:

Lớp	Số học sinh đi học muộn trong tháng
6/1	
6/2	
6/3	
6/4	
6/5	

( = 2 học sinh)

a) Số học sinh khối 6 đi học muộn trong một tháng là bao nhiêu học sinh?

b) Số học sinh lớp nào đi học muộn nhiều nhất, ít nhất?

c) Hãy lập bảng thống kê tương ứng từ biểu đồ tranh trên.

Bài 10: Biểu đồ tranh sau đây cho ta thông tin về loại quả yêu thích của một số bạn học sinh lớp 6C.

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Cam	
Táo	
Dưa hấu	
Nho	

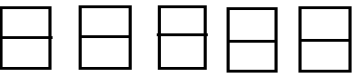
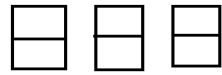
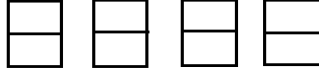
( = 3 học sinh)

a) Loại quả nào được học sinh yêu thích nhiều nhất, ít nhất?

b) Số học sinh yêu thích quả dưa hấu nhiều hơn số học sinh yêu thích quả nho là bao nhiêu học sinh?

c) Từ biểu đồ tranh trên, có bao nhiêu học sinh lớp 6C được điều tra?

Bài 11: Cho biểu đồ tranh cho biết số tủ lạnh bán ra của một cửa hàng điện máy của các tháng trong quý I của năm 2021 như sau:

Tháng	Số tủ lạnh bán được
1	
2	
3	

(Biết 1  : 200 tủ lạnh)

- a) Tháng nào bán tủ lạnh được nhiều nhất, ít nhất?
 b) Tháng 3 bán tủ lạnh được nhiều hơn tháng 2 bao nhiêu chiếc?
 c) Cửa hàng điện máy bán được tất cả bao nhiêu chiếc tủ lạnh trong quý I năm 2021?

Bài 12: Em hãy quan sát biểu đồ tranh sau đây và trả lời câu hỏi.

Dữ liệu số xe bán được của các năm từ năm 2016 đến năm 2020 được cho ở bảng sau đây:

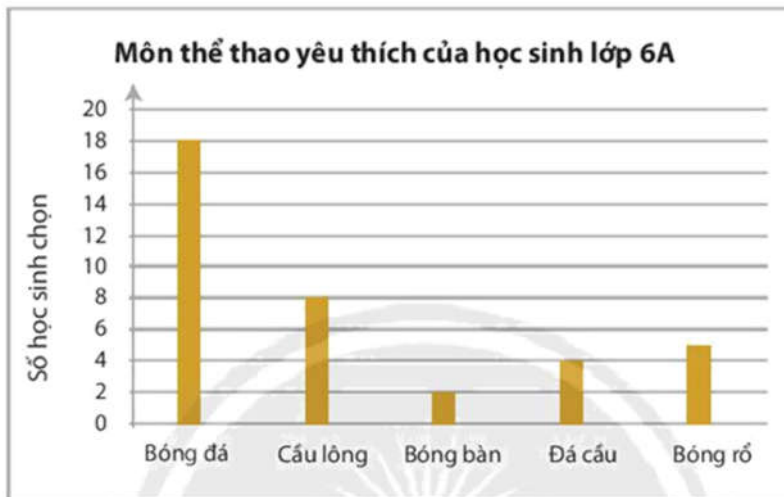
Năm	Số xe bán được
2016	3
2017	6
2018	7
2019	10
2020	5

● 10 xe; ● 5 xe

- a) Hãy cho biết năm 2019 bán được nhiều hơn năm 2016 bao nhiêu xe?
 b) Hãy cho biết năm 2017 và 2018 bán được tất cả bao nhiêu xe?
 c) Hãy lập bảng thống kê tương ứng từ biểu đồ tranh trên.

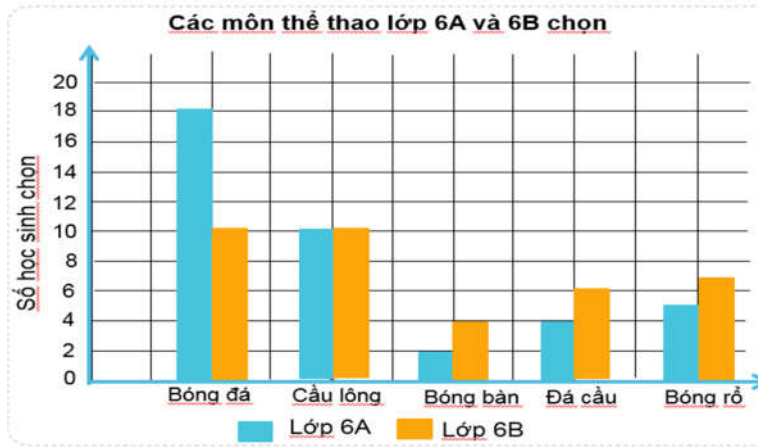
DẠNG 4: BIỂU ĐỒ CỘT – BIỂU ĐỒ CỘT KÉP

Bài 1: Cho biểu đồ cột:



- a) Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?
 b) Em hãy cho biết:
 - Các bạn học sinh lớp 6A yêu thích môn thể thao nào nhiều nhất?
 - Các bạn học sinh lớp 6A chọn môn thể thao nào ít nhất?
 c) Lập bảng thống kê tương ứng.

Bài 2: Cho biểu đồ cột kép sau:

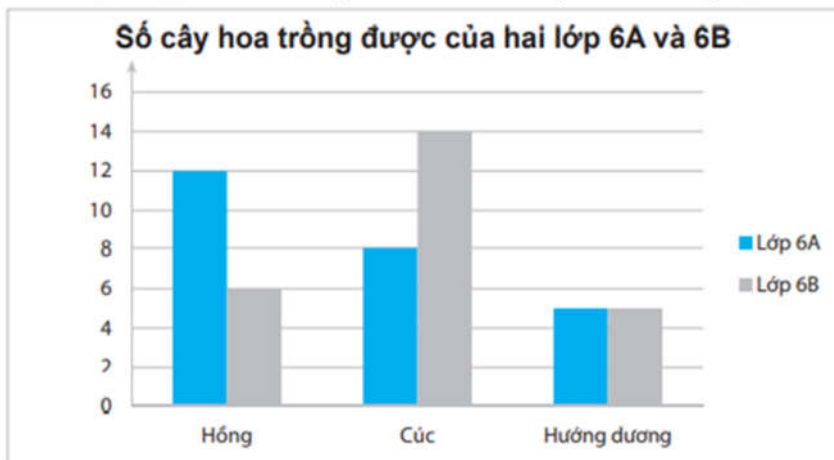


a) Lập bảng thống kê thể hiện các dữ liệu ở biểu đồ cột kép trên.

b) Em hãy cho biết:

- Môn thể thao ít được ưa thích nhất của lớp 6A và lớp 6B?
- Môn thể thao nào được học sinh lớp 6A chọn nhiều hơn lớp 6B?
- Môn thể thao nào được học sinh lớp 6B chọn nhiều hơn lớp 6A?
- Số học sinh lớp 6A chọn môn đá cầu ít hơn số học sinh lớp 6B bao nhiêu học sinh?

Bài 3: Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số cây hoa hai lớp 6A, 6B trồng được như sau:



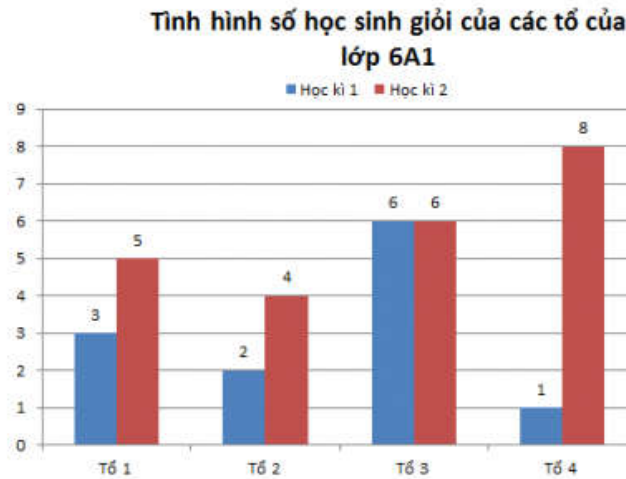
a) Hãy cho biết:

- Cây hoa nào lớp 6A trồng được nhiều hơn lớp 6B?
- Cây hoa nào lớp 6B trồng được nhiều hơn lớp 6A?
- Cây hoa nào được hai lớp 6A và 6B trồng như nhau?

b) Lớp 6A trồng được cây hoa nào nhiều nhất và được bao nhiêu cây?

c) Lớp 6B trồng được cây hoa nào nhiều nhất và được bao nhiêu cây?

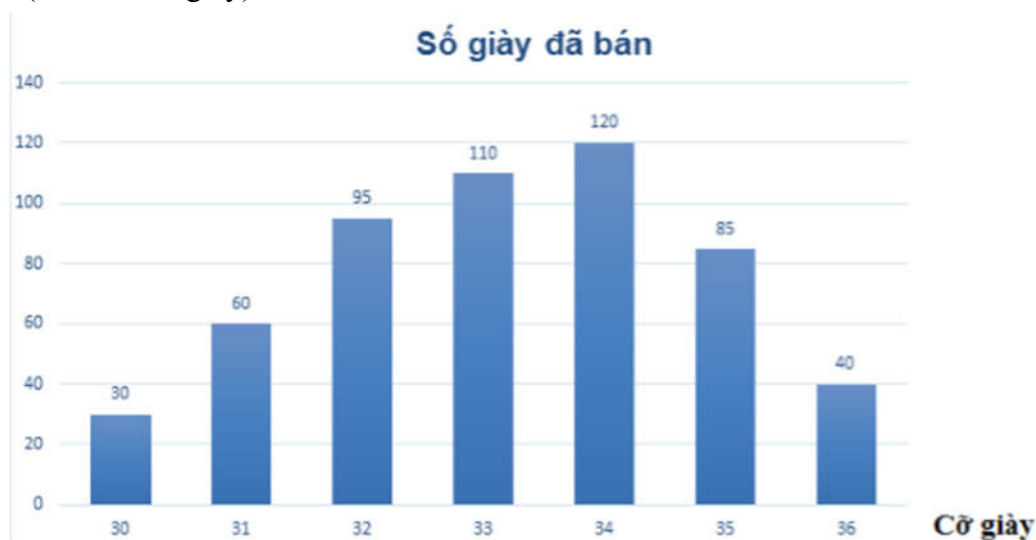
Bài 4: Cho biểu đồ cột kép sau:



Em hãy cho biết:

- Tổng số học sinh giỏi học kì 1 là bao nhiêu học sinh?
- Tổng số học sinh giỏi học kì 2 là bao nhiêu học sinh?
- Trong học kì 1, tổ nào có số học sinh giỏi nhiều nhất và có bao nhiêu bạn?
- Trong học kì 2, tổ nào có số học sinh giỏi nhiều nhất và có bao nhiêu bạn?

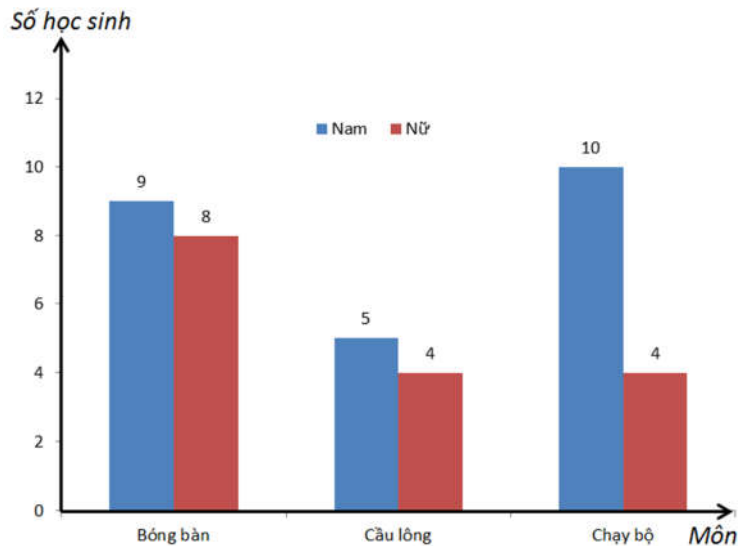
Bài 5: Dưới đây là biểu đồ thống kê số giày bán được của một cửa hàng giày trẻ em trong tháng 12/2021 (đơn vị: đôi giày)



a) Cửa hàng đó bán được bao nhiêu đôi giày trong tháng 12/2021? Cỡ giày bao nhiêu cửa hàng bán được nhiều nhất? Cỡ giày bao nhiêu cửa hàng bán được ít nhất?

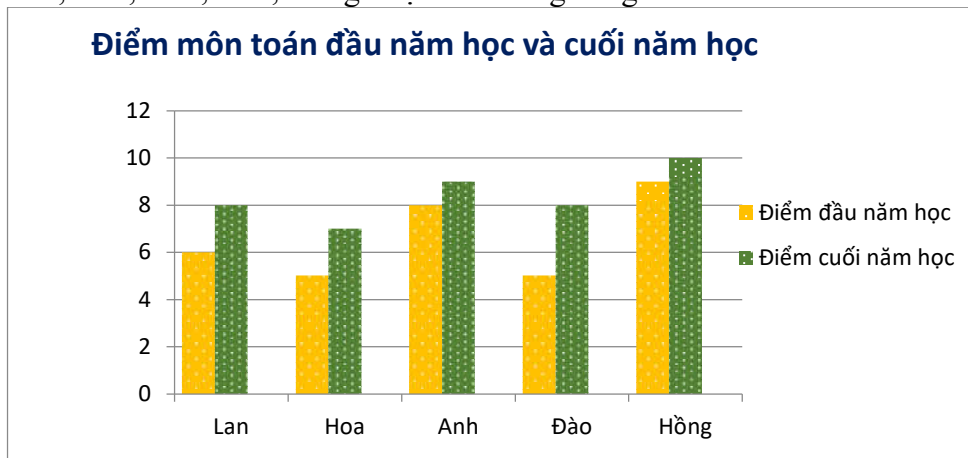
b) Em hãy ghi số liệu đọc được từ biểu đồ vào bảng thống kê tương ứng.

Bài 6: Biểu đồ cột kép ở hình dưới biểu diễn số học sinh nam và số học sinh nữ của lớp 6A đăng kí tham gia một số môn thể thao mà đoàn trường đề ra: bóng bàn, cầu lông, chạy bộ. Mỗi em đều phải đăng kí tham gia một môn thể thao.



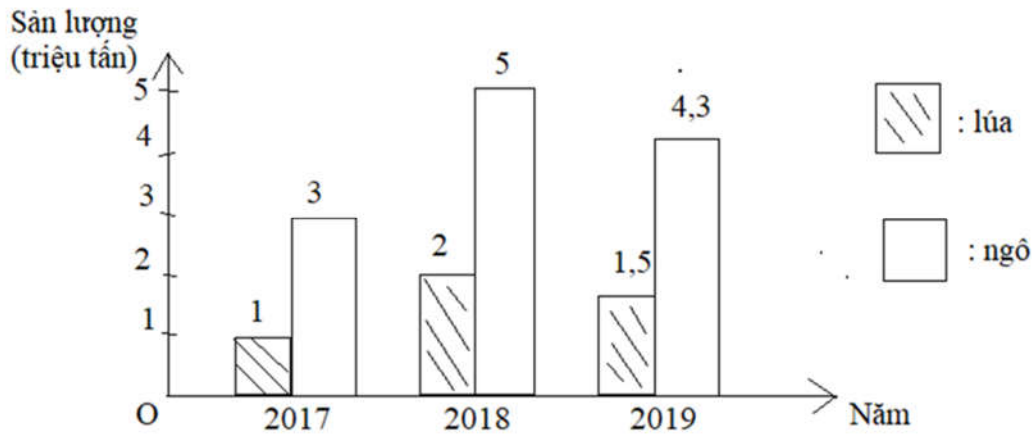
- Môn thể thao nào có nhiều học sinh đăng kí nhất?
- Các học sinh nam đăng kí môn thể thao nào nhiều nhất, ít nhất?
- Các học sinh nữ đăng kí môn thể thao nào nhiều nhất, ít nhất?
- Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?
- Số học sinh nữ ít hơn số học sinh nam bao nhiêu bạn?

Bài 7: Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số điểm môn Toán đầu năm học và cuối năm học của bạn Lan, Hoa, Anh, Đào, Hồng được cho trong bảng sau.



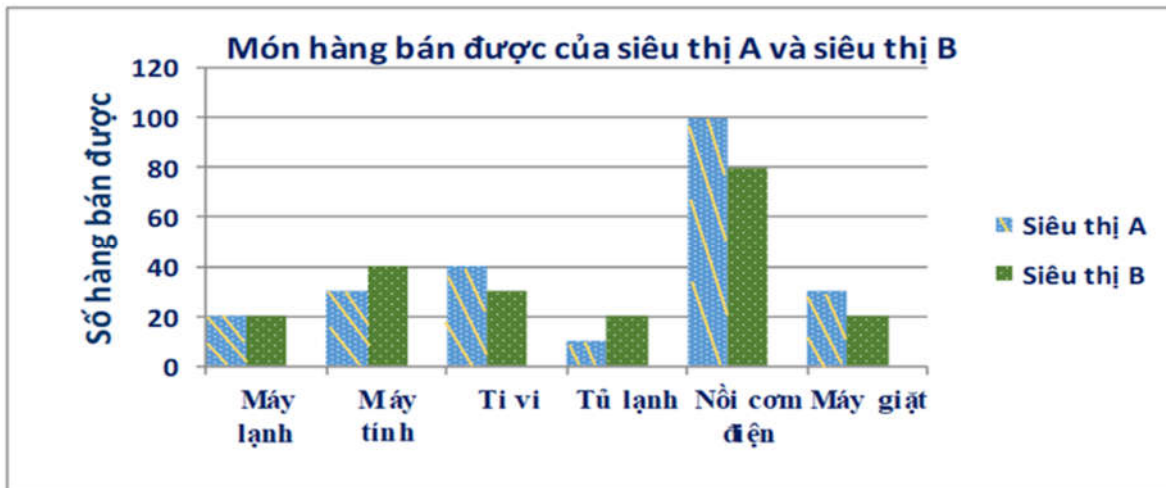
- Điểm môn Toán của bạn nào cao nhất ở cả đầu năm học và cuối năm học?
- Đầu năm học, điểm môn Toán của bạn nào thấp nhất?
- Lập bảng thống kê tương ứng từ biểu đồ cột kép ở trên.

Bài 8: Biểu đồ cột kép ở hình bên biểu diễn sản lượng lúa và ngô của Việt Nam trong 3 năm 2017, 2018, 2019:



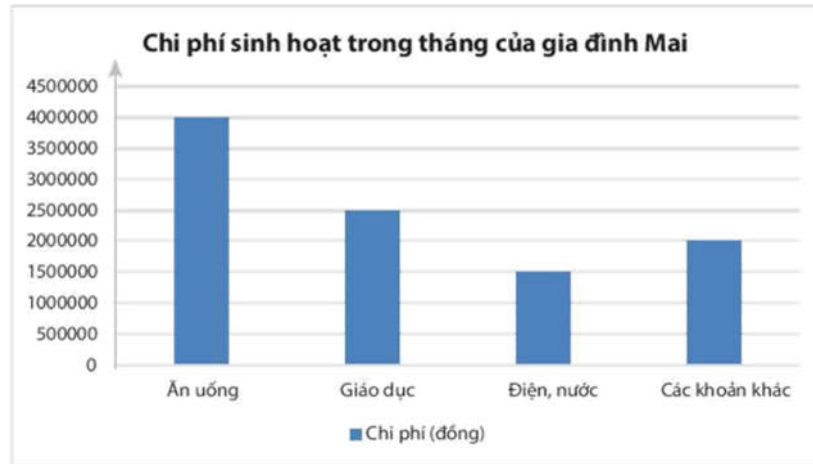
- a) - Sản lượng lúa và ngô ở năm nào cao nhất? Năm nào thấp nhất?
 - Sản lượng lúa năm 2019 nhiều hơn năm 2017 là bao nhiêu?
 - Sản lượng ngô năm 2019 ít hơn năm 2018 là bao nhiêu?
- b) Lập bảng thống kê tương ứng từ biểu đồ trên.

Bài 9: Đọc biểu đồ cột kép biểu diễn số món hàng bán được của siêu thị A và siêu thị B sau đây.



- a) - Món hàng nào được bán nhiều nhất ở cả hai siêu thị A và B?
 - Siêu thị A bán được nhiều hơn siêu thị B bao nhiêu chiếc ti vi?
 - Siêu thị A bán được nhiều hơn siêu thị B những món hàng nào?
 - Siêu thị B bán được nhiều hơn siêu thị A những món hàng nào?
 - Món hàng nào bán được như nhau ở cả hai siêu thị?
- b) Lập bảng thống kê tương ứng từ biểu đồ trên.

Bài 10: Cho biểu đồ cột sau:



- a) Chi phí sinh hoạt trong tháng của gia đình Mai hết nhiều nhất vào việc gì?
 b) Từ biểu đồ cột trên, em hãy lập bảng thống kê tương ứng.

Bài 11: Bảng thống kê sau cho biết số xe đạp bán được ở một cửa hàng:

Xe đạp màu	Đỏ	Đen	Xanh dương	Hồng
Số lượng bán	16	12	24	15

- a) Hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện dữ liệu trong bảng thống kê trên.
 b) Theo em, cửa hàng nên nhập thêm xe màu gì để bán?

Bài 12: Điểm kiểm tra định kì môn Tiếng Anh của 36 học sinh lớp 6B được ghi lại như sau:

8	6	10	8	5	9	7	8	9	7	8	8
7	5	9	7	8	6	9	6	9	7	8	9
6	9	8	8	8	5	10	9	8	8	10	7

- a) Lập bảng thống kê tương ứng.
 b) Vẽ biểu đồ cột thể hiện dữ liệu trong bảng thống kê trên.

Bài 13: Bảng thống kê sau cho biết món ăn sáng yêu thích của các bạn học sinh lớp 6E:

Món ăn	Số học sinh
Cơm	3
Phở	8
Bánh mì	10
Xôi	7
Bún	12

Hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện dữ liệu ở bảng thống kê trên.

Bài 14: Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê sau:

Điểm kiểm tra các môn học của Huy và Quân		
Môn học	Điểm của Huy	Điểm của Quân
Ngữ văn	6	8
Toán	9	7
Ngoại ngữ	8	6
Giáo dục công dân	10	8
Lịch sử và Địa lí	8	8
Khoa học tự nhiên	7	5

Bài 15: Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê sau:

Nhiệt độ trong tuần (01/08/2022 – 07/08/2022) tại Thành phố Hồ Chí Minh		
Ngày	Nhiệt độ cao nhất (độ C)	Nhiệt độ thấp nhất (độ C)
Thứ hai	33	25
Thứ ba	32	26
Thứ tư	33	25
Thứ năm	31	25
Thứ sáu	32	25
Thứ bảy	30	24
Chủ nhật	30	25

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Cho bảng thống kê về số lượng cơn bão đi qua một số tỉnh thành phố nước ta từ năm 1950 đến năm 2020 như sau:

Tỉnh/ Thành phố	Số lượng
Nghệ An	18
Hà Tĩnh	24
Quảng Bình	22
Khánh Hòa	32
Đà Nẵng	41
Thanh Hóa	23
Gia Lai	17
Bình Định	18
Quảng Ninh	30
Đắk Lắk	14

Sử dụng bảng thống kê trên để trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 3.

Câu 1: Tỉnh thành phố có lượng bão đi qua nhiều nhất là

- A. Khánh Hòa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Đà Nẵng.

Câu 2: Số Tỉnh thành có 18 cơn bão đi qua là

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 3: Tỉnh thành phố có số cơn bão đi qua nhiều hơn Quảng Bình là

- A. Quảng Ninh. B. Gia Lai. C. Bình Định. D. Đắk Lắk.

Cho biểu đồ tranh biểu diễn số lượng học sinh lớp 6A thích các môn học khác nhau.

Toán	
Ngữ văn	
Ngoại ngữ	

Âm nhạc và Mỹ thuật	
Giáo dục thể chất	

(Mỗi  ứng với 3 học sinh)

Sử dụng biểu đồ trên để trả lời các câu hỏi từ câu 4 đến câu 7.

Câu 4: Số học sinh lớp 6A thích môn Toán là

- A. 3 học sinh. B. 6 học sinh. C. 9 học sinh. D. 12 học sinh.

Câu 5: Số học sinh thích môn Ngữ Văn nhiều hơn số học sinh thích môn giáo dục thể chất là

- A. 2 học sinh. B. 5 học sinh. C. 6 học sinh. D. 15 học sinh.

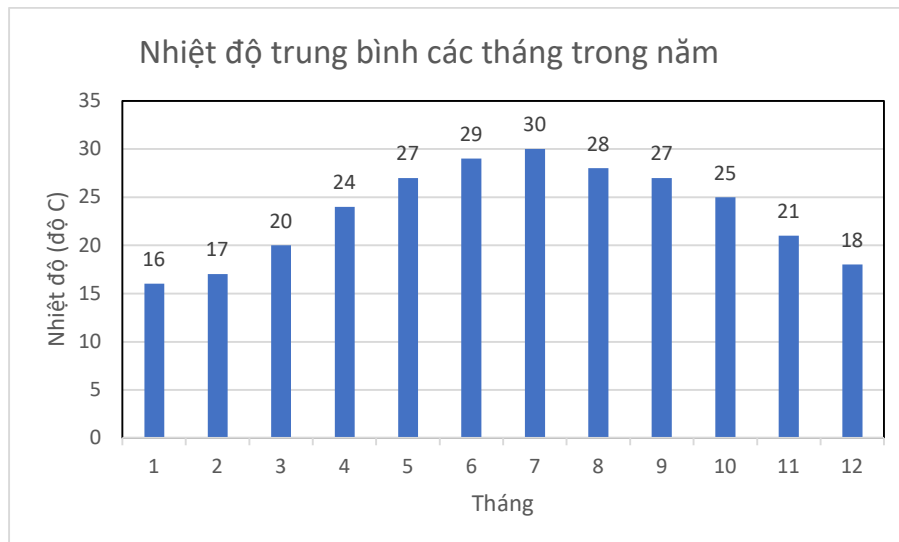
Câu 6: Số học sinh lớp 6A là

- A. 28 học sinh. B. 42 học sinh. C. 14 học sinh. D. 56 học sinh.

Câu 7: Tổng số học sinh thích Toán và Ngữ văn là

- A. 3 học sinh. B. 6 học sinh. C. 9 học sinh. D. 18 học sinh.

Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về nhiệt độ trung bình trong các tháng của thành phố Hà Nội.



Sử dụng biểu đồ trên trả lời các câu hỏi từ câu 8 đến câu 11.

Câu 8: Tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất là

- A. tháng 5. B. tháng 6. C. tháng 7. D. tháng 8.

Câu 9: Tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất là

- A. tháng 11. B. tháng 12. C. tháng 1. D. tháng 2.

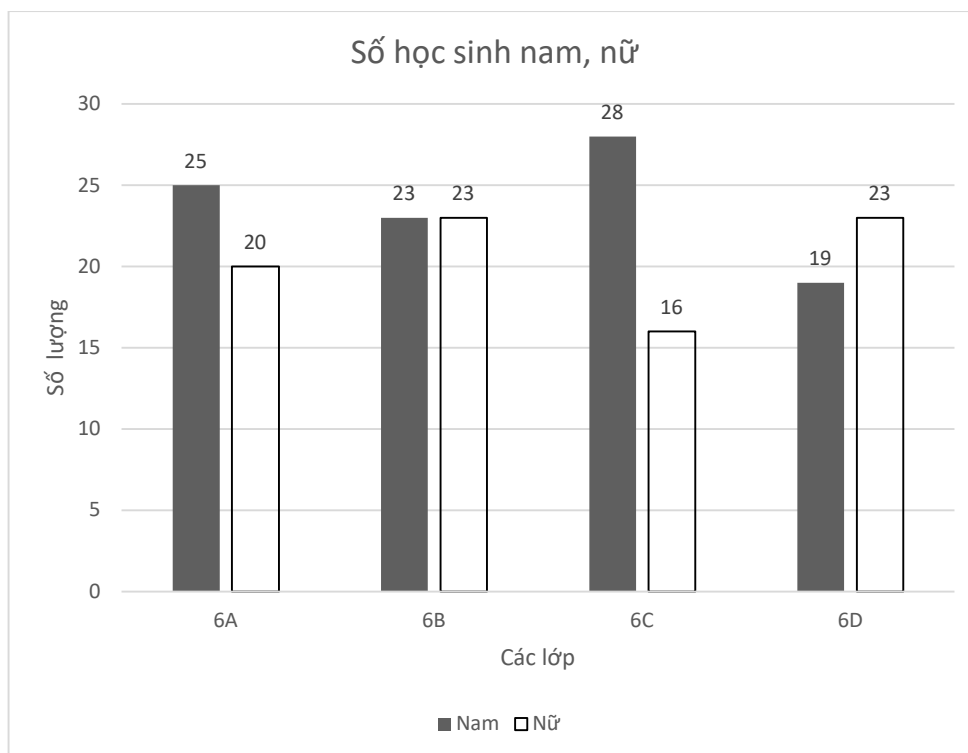
Câu 10: Số tháng có nhiệt độ trung bình thấp hơn 25 độ là

- A. 3 tháng. B. 4 tháng. C. 5 tháng. D. 6 tháng.

Câu 11: Từ tháng 1 đến tháng 7 nhiệt độ trung bình có xu hướng

- A. tăng. B. giảm.
C. không thay đổi. D. tăng giảm đan xen.

Biểu đồ dưới đây biểu diễn số học sinh nam và nữ của các lớp khối 6 của một trường THCS.



Sử dụng biểu đồ trên trả lời các câu hỏi từ câu 15 đến câu 20.

Câu 12: Số học sinh nam lớp 6C là

- A. 25 học sinh. B. 28 học sinh. C. 16 học sinh. D. 23 học sinh.

Câu 13: Lớp có số học sinh nữ ít nhất là

- A. lớp 6A. B. lớp 6B. C. lớp 6C. D. lớp 6D.

Câu 14: Số học sinh nữ lớp 6D nhiều hơn lớp 6A là

- A. 2 học sinh. B. 3 học sinh. C. 6 học sinh. D. 7 học sinh.

Câu 15: Lớp có sự chênh lệch chiều cao nhỏ nhất giữa nam và nữ là

- A. Lớp 6A. B. lớp 6B. C. lớp 6C. D. lớp 6D.

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

Đề chính thức (02
trang)

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ I

Năm học: 2023 – 2024

Môn: TOÁN 6

Ngày: 13/11/2024

Thời gian làm bài 60 phút (không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm): Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy ghi lại đáp án đúng nhất vào giấy làm bài

Câu 1 (0,5 điểm): Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 5 có mấy phần tử?

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 2 (0,5 điểm): Tích $3^1 \cdot 3^0$ được một số là

- A. 0 B. 1 C. 3 D. 9

Câu 3 (0,5 điểm): Trong các số sau số nào ước của 18?

- A. 4 B. 5 C. 7 D. 6

Câu 4 (0,5 điểm): Số nào không phải là số nguyên tố?

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 23 | B. 33 | C. 43 | D. 53 |
|-------|-------|-------|-------|

Câu 5 (0,5 điểm): Hình nào bốn cạnh bằng nhau và bốn góc bằng nhau?

- A. Hình vuông B. Hình Thoi C. Tam giác đều D. Hình thang cân

Câu 6 (0,5 điểm): Cho hình vuông ABCD có cạnh $AB = 6\text{cm}$ thì diện tích của nó là:

- A. 24 cm B. 24 cm^2 C. 36cm D. 36cm^2

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm):

Câu 7 (3,0 điểm):

1. Thực hiện phép tính sau (hợp lý nếu có thể):

a) $2^3 \cdot 97 + 2^3 \cdot 3^0$ 023⁰ b) $252^2 \cdot \{2^2 \cdot [52 \cdot (0 + 7)] - 4^2\}$

2. Tìm x, biết:

a) $204 : (x + 26) = 6$

Câu 8 (2,0 điểm): Có 120 quả táo; 90 quả cam và 105 quả lê được chia đều vào các giỏ quà, mỗi giỏ quà gồm cả 3 loại quả. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu giỏ quà? Tính số quả táo, cam, lê trong mỗi giỏ quà?

Câu 9 (1,5 điểm): Bác Tư muốn lát gạch một sàn nhà hình chữ nhật có chiều dài 30m, chiều rộng 4m. Bác Tư mua loại gạch hình vuông cạnh 40 cm để lát sàn nhà. Hỏi để lát hết sàn nhà thì cần bao nhiêu viên gạch?

Câu 10 (0,5 điểm): Rosalind Elsie Franklin ($\overline{abcd}$ - 1958) là nhà lí sinh học và tinh thể học tia X. Bà đã có những đóng góp quan trọng cho sự hiểu biết về cấu trúc phân tử của DNA, RNA, virus, than đá, than chì. Tìm năm sinh của bà, biết:

a khác 0 và không là số nguyên tố cũng không là hợp số.

b là hợp số lớn nhất có một chữ số.

$\overline{abcd}$ chia hết cho 2; 3; 5 và $c < 5$.

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

Đề chính thức (02 trang)
Mã đề: **001**

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: TOÁN 6

Ngày: 18/11/2024

Thời gian làm bài 60 phút (không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm): Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy ghi lại đáp án đúng nhất vào giấy làm bài

Câu 1 (0,5 điểm): Cách viết nào sau đây biểu diễn tập hợp B là các số tự nhiên lớn hơn 9 và nhỏ hơn 13?

A. $B = \{10; 11; 12\}$ B. $B = \{9; 10; 11; 12\}$ C. $B = \{9; 10; 11; 12; 13\}$ D. $B = \{10; 11; 12; 13\}$

Câu 2 (0,5 điểm): Viết tích sau dưới dạng lũy thừa: $9^4 \cdot 9^2 : 9$

A. 9^4 B. 9 C. 9^5 D. 9^6

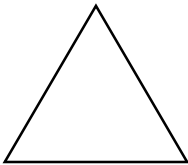
Câu 3 (0,5 điểm): Số nào sau đây là một bội của 7?

A. 12 B. 49 C. 1 D. 23

Câu 4 (0,5 điểm): Số nào sau đây là số nguyên tố?

A. 19 B. 9 C. 6 D. 12

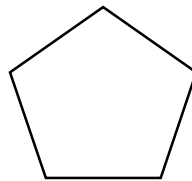
Câu 5 (0,5 điểm): Trong các hình sau, hình nào là lục giác đều?. Biết rằng các cạnh trong mỗi hình bằng nhau.



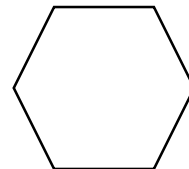
Hình 1.



Hình 2.



Hình 3.



Hình 4.

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 6 (0,5 điểm): Chu vi của hình thoi có cạnh 10 cm là:

A. 30 cm B. 20 cm C. 40 cm D. 50 cm

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm):

Câu 7 (3,0 điểm):

2. Thực hiện phép tính sau :

a) $3^2 \cdot 6 + 125 : 5^2 - 2024^0$

b) $80 : \{2^3 \cdot [54 : (58 - 49)]\} ?$

2. Tìm x, biết: $(x - 4) : 3 = 4$

Câu 8 (2,0 điểm): Tại bến có ba xe. Chiếc xe thứ nhất cứ 5 ngày lại cập bến một lần, chiếc thứ hai cứ 7 ngày cập bến một lần, chiếc thứ ba cứ sau 14 ngày cập bến một lần. Hôm nay, cả ba chiếc cùng khởi hành từ bến. Hỏi ít nhất sau bao nhiêu ngày nữa chúng lại cùng cập bến này?

Câu 9 (1,5 điểm): Một cái sân hình chữ nhật có chiều dài là 15 m, chiều rộng là 9m. Người ta lát nền sân bằng những viên gạch hình vuông cạnh 0,3 m. (Biết diện tích phần mạch vữa giữa các viên gạch không đáng kể).



- a) Tính diện tích của cái sân hình chữ nhật?
- b) Biết giá một viên gạch là 18500 đồng. Tính số tiền mua gạch để lát nền cái sân đó?

Câu 10 (0,5 điểm): Năm sinh của anh hùng Kim Đồng có dạng $\overline{abcd}$. Tìm năm sinh của anh biết $a > 0$ và a không là số nguyên tố cũng không là hợp số, b là số tự nhiên lớn nhất, c là số nguyên tố nhỏ nhất. Năm sinh của anh chia 9 thì dư 3.

HẾT

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Có 02 trang)

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC KỲ I**Năm học: 2024 – 2025****Môn: TOÁN 6****Ngày: 27/12/2024***Thời gian làm bài 90 phút (không kể thời gian phát đề)***I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)****Câu 1 (0,25 điểm):** Trong các số sau số nào là số tự nhiên?

- A. 2024. B. 20, 24. C. $2\frac{1}{3}$ D. -2024.

Câu 2 (0,25 điểm): Trong các số sau, số nào là ước của 8?

- A. 30 B. 60 C. 120 D. 4

Câu 3 (0,25 điểm): Khẳng định nào dưới đây sai?

- A. Số đối của số -5 là 5
B. Số đối của 5 là -5
C. Số đối của 5 là $\frac{1}{5}$
D. Số đối của 0 là 0

Câu 4 (0,25 điểm): Kết quả của phép tính $(-100) + (-2)$ bằng:

- A. 132 B. -132 C. ? 8 D. ? 8

Câu 5 (0,25 điểm): Hình có bốn cạnh bằng nhau và có bốn góc bằng nhau là :

- A. Tam giác đều B. Hình bình hành
C. Hình vuông D. Hình thang.

Câu 6 (0,25 điểm): Yếu tố nào sau đây **không phải** của hình chữ nhật?

- A. Hai cặp cạnh đối diện song song
B. Có 4 góc vuông
C. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau
D. Hai đường chéo vuông góc với nhau

Câu 7 (0,25 điểm): Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Những môn học có điểm tổng kết trên 8,0 của bạn Nam.
B. Điểm kiểm tra giữa kì môn toán của lớp 6A.
C. Số học sinh nam thích môn đá bóng lớp 6A.
D. Số học sinh thích ăn gà rán.

Câu 8 (0,25 điểm): Số học sinh vắng trong một ngày của khối 6 được thống kê ở bảng sau:

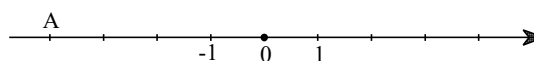
Lớp	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5
Số học sinh vắng	1	-1	2	7	3

Số liệu nào là không hợp lí?

- A. 1 B. -1
C. 7 D. 2

Câu 9 (0,25 điểm): Kết quả của phép tính $100:5 - 2^6:2^3$ là:

- A. 9 B. 10
C. 11 D. 12

Câu 10 (0,25 điểm): Điểm A trong hình biểu

diễn số nguyên nào?

- A. 3 B. -4
C. 4 D. -3

Câu 11 (0,25 điểm): Tìm x biết $8 \cdot x = -32$

- A. -4 B. 3
C. -3 D. 4

Câu 12 (0,25 điểm): . Dữ liệu số xe bán được của các năm từ năm 2016 đến năm 2020 được cho ở bảng sau đây:

Năm	Số xe bán được
2016	● ● ● ●
2017	● ● ● ● ● ●
2018	● ● ● ● ● ● ● ●
2019	● ● ● ● ● ● ● ● ● ●
2020	● ● ● ● ● ●

● 10 xe; ● 5 xe

Em hãy cho biết tổng số xe bán được của năm 2017 và năm 2020 là bao nhiêu xe?

- A. 50 B. 240 C. 95 D. 9,5

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm):**Bài 1 (1,25 điểm):**

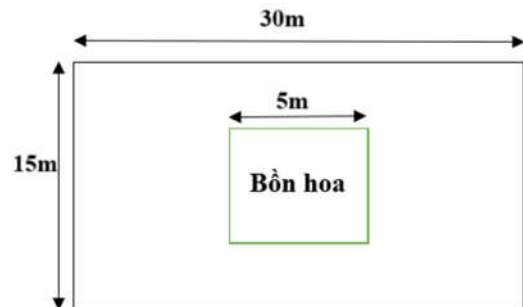
- a) Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 15.
- b) Thực hiện phép tính: $(18.5 - 5^5 : 5^3) : 5 - 11$

Bài 2: (2,75 điểm)

- a) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 50 ; -15 ; 0 ; -100
- b) Thực hiện phép tính: $[(-8).9 + 32] : 8 + (-10)$
- c) Tìm x biết: $3.(12 + x) = -5$
- d) Một chiếc tàu ngầm đang ở độ cao $-600m$ so với mặt nước biển, sau đó tàu ngầm nổi lên $320m$, rồi lại lặn xuống $125m$. Hỏi sau hai lần nổi lên và lặn xuống như trên thì độ cao mới của tàu ngầm bao nhiêu mét?

Bài 3 (0,5 điểm): Ba ô tô chở khách cùng khởi hành lúc 6 giờ sáng từ một bến xe đi theo ba hướng khác nhau, xe thứ nhất quay về bến sau 1 giờ 5 phút và sau 10 phút lại đi, xe thứ hai quay về bến sau 56 phút và lại đi sau 4 phút, xe thứ ba quay về bến sau 48 phút và sau 2 phút lại đi. Hỏi sau ít nhất sau bao nhiêu giờ nữa thì ba xe lại cùng xuất phát cùng nhau lần thứ hai và thời điểm cùng nhau xuất phát lần thứ hai là lúc mấy giờ?

Bài 4 (1,5 điểm): Một sân vườn hình chữ nhật có chiều dài $30m$ và chiều rộng $15m$, với bồn hoa ở giữa dùng để trồng hoa hồng có dạng hình vuông có độ dài cạnh là $5m$. Phần còn lại của sân vườn dùng để trồng cỏ (như hình vẽ).



- a) Tính diện tích phần sân vườn dùng để trồng cỏ.
- b) Biết rằng mỗi mét vuông trồng cỏ có giá 50 000 đồng. Mỗi mét vuông trồng hoa hồng có giá 120 000 đồng. Tính tổng số tiền để trồng hoa hồng và trồng cỏ?

Bài 5 (1,0 điểm): Đọc biểu đồ cột kép biểu diễn số điểm môn Toán đầu năm học và cuối năm học của bạn Lan, Hoa, Anh, Đào, Hồng.

Từ biểu đồ bên em hãy cho biết:

- a) Em hãy cho biết điểm môn Toán cuối năm học của bạn nào cao nhất? Với bao nhiêu điểm?
- b) Điểm Toán đầu năm học của bạn Anh và bạn Lan, bạn nào cao điểm hơn? Và cao hơn bao nhiêu điểm?

Điểm môn toán đầu năm học và cuối năm học

